

HỒ SƠ PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch
UBCK NN cấp ngày 05/04/2000)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

CHỨNG QUYỀN VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-19



BẢN CÁO BẠCH
CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000)



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 115/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/15/2025)

CHỨNG QUYỀN VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-19

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 38242897 Fax: (84-28) 38242997
Website: www.ssi.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Kim Long Chức vụ: Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Số điện thoại: (84-28) 38242897

Ngân hàng lưu ký: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hà Nội

Trụ sở chính: Số 6 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Giấy phép hoạt động lưu ký số 77/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/09/2010

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 03-06 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.



dmf

BẢN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

SSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền: Chứng quyền VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-19

- ❖ Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
- ❖ Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ❖ Loại chứng quyền: chứng quyền mua
- ❖ Kiểu thực hiện: châu Âu
- ❖ Phương thức thực hiện chứng quyền: thanh toán tiền
- ❖ Thời hạn: 5 tháng
- ❖ Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 3-5/2025
- ❖ Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 8-10/2025
- ❖ Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 8-10/2025
- ❖ Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1 (05 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- ❖ Giá thực hiện dự kiến: trong khoảng giá từ 34.000 (ba mươi tư nghìn) đồng/cổ phần đến 135.000 (một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng/cổ phần
- ❖ Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- ❖ Giá chào bán dự kiến: trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 1.800 (một nghìn tám trăm) đồng/chứng quyền
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 20.000.000 (hai mươi triệu) chứng quyền
- ❖ Tổng giá trị chào bán dự kiến: từ 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng đến 36.000.000.000 (ba mươi sáu tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 38245252

Fax: (84-28) 38245250

WWW.SSI.COM.VN

Handwritten signature

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....	4
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền.....	5
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	6
4. Các rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM/ THUẬT NGỮ/ VIẾT TẮT.....	7
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	9
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	9
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền.....	20
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	21
1. Tóm tắt thông tin doanh nghiệp.....	21
2. Quá trình hình thành phát triển.....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	24
4. Cơ cấu sở hữu.....	25
5. Cổ đông lớn và Người có liên quan của Cổ đông lớn đồng thời là người nội bộ của TCPH.....	26
6. Ban điều hành.....	30
6.1 Hội đồng Quản trị.....	31
6.2 Ban Tổng Giám Đốc.....	33
6.3 Ủy ban kiểm toán.....	33
7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền.....	33
VI. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	34
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	34
1.1. Dịch vụ chứng khoán.....	34
1.2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư.....	37
1.3. Quản lý Quỹ.....	38
1.4. Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính.....	40
1.5. Đầu tư.....	41
➢ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	43
➢ Tình hình tài chính.....	47
VII. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	51
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm phát hành.....	51

dm

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở	51
3. Thời gian phân phối chứng quyền	53
4. Thực hiện chứng quyền	53
5. Đăng ký mua chứng quyền	55
6. Quyền của người sở hữu chứng quyền.....	58
7. Điều chỉnh chứng quyền	59
8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ liên quan:	60
9. Hoạt động tạo lập thị trường	61
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	63
1. Quy trình quản trị rủi ro	63
2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền	66
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành.....	70
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	70
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	71
XI. CAM KẾT	71
XII. PHỤ LỤC.....	71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có đảm bảo, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có đảm bảo như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và các chứng quyền có đảm bảo này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Trong trường hợp tổ chức phát hành bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới



chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.

- Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cân trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên

thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy, nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có đảm bảo không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

- Rủi ro kinh tế: sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó có liên quan chặt chẽ tới sự phát triển kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phát triển sẽ là động lực khuyến khích các doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, tìm kiếm cơ hội làm ăn đồng thời thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Điều này sẽ mang lại phản ứng tích cực đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngược lại, khi nền kinh tế chậm phát triển sẽ có ảnh hưởng tiêu cực với tốc độ phát triển của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường chứng khoán, trong đó có sự phát triển của chứng quyền.
- Rủi ro chính trị: là rủi ro do những biến động của sự kiện chính trị, những thay đổi trong luật lệ, chính sách của chính phủ làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.
- Rủi ro luật pháp: xảy ra khi tổ chức phát hành chứng quyền và/ hoặc tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo,... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày dẫn đến việc biến động xấu về giá chứng quyền.



- Rủi ro về thuế: khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đóng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn số 1468/BTC-CST.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành – Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Ông: Nguyễn Duy Hưng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Hồng Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Ông: Phạm Viết Muôn Chức vụ: Trưởng Ủy ban kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi Bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn: Không

III. CÁC KHÁI NIỆM/ THUẬT NGỮ/ VIẾT TẮT

Chứng quyền có bảo đảm là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14).

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành / TCPH) là công ty phát hành chứng quyền. Trong bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$Delta = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

BCTC: Báo cáo tài chính

HNX: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

HSX: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

NHNN: Ngân hàng nhà nước

UBCK: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

SSI hoặc Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tính đến ngày 20/2/2025, cả nước đã gieo cấy được 2.756,1 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy được 852,4 nghìn ha, tăng 12,0%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.903,7 nghìn ha, tăng 1,1%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.505,0 nghìn ha, tăng 1,2%. Cây hàng năm: Diện tích một số cây trồng như khoai lang, đậu tương giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do hiệu quả kinh tế không cao và gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm.

Chăn nuôi: Chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm. Chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển tốt. Tổng số lợn của cả nước ước tính đến thời điểm cuối tháng 02/2025 tăng 3,2% so với cùng thời điểm năm 2024; tổng số bò giảm 0,5%; tổng số trâu giảm 4,0%; tổng số gia cầm tăng 3,4%. Tính đến ngày 26/02/2025, cả nước không còn dịch tai xanh; dịch lở mồm long móng còn ở Lào Cai và Thanh Hóa; dịch cúm gia cầm còn ở Tuyên Quang, Long An, Tiền Giang; dịch viêm da nổi cục còn ở Tiền Giang; dịch dại trên động vật còn ở 12 địa phương và dịch tả lợn châu Phi còn ở 11 địa phương chưa qua 21 ngày.

Diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước tháng 02/2025 ước đạt 11,4 nghìn ha, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2024; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 9,6 triệu cây, tăng 8,8%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.338,8 nghìn m³, tăng 18,2%; diện tích rừng bị thiệt hại là 73,1 ha, tăng 34,7%. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, diện tích rừng trồng mới cả nước ước đạt 20,1 nghìn ha, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 13,4 triệu cây, tăng 6,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 2.620,7 nghìn m³, tăng 18,9%; diện tích rừng bị thiệt hại là 145,4 ha, tăng 64,0%.

Sản lượng thủy sản tháng 02/2025 ước đạt 650,5 nghìn tấn, tăng 4,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 1.242,9 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 692,2 nghìn tấn, tăng 4,9%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 550,7 nghìn tấn, giảm 0,5%.

Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2025 ước tính giảm 2,2% so với tháng trước; tăng 17,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, IIP tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 6,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,3%, đóng góp 7,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,3%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,0%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,4%, làm giảm 1,0 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất công nghiệp hai tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 58 địa phương và giảm ở 5 địa phương trên cả nước. Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/02/2025 tăng 1,0% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,4% so với cùng thời điểm năm trước.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tháng Hai năm nay, cả nước có hơn 10,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 4,9% so với tháng trước và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước; có gần 7,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 69,1% và tăng 32,1%; có 3.554 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 93,3% và giảm 30,9%; có 2.971 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 14,9% và tăng 38,0%; có 1.737 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 14,1% và tăng 44,4%. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, cả nước có hơn 49,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 1 tháng có hơn 24,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là hơn 67,0 nghìn doanh nghiệp, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 1 tháng có hơn 33,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Hai ước đạt 37,9 nghìn tỷ đồng, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 73,2 nghìn tỷ đồng, bằng 8,5% kế hoạch năm và tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 7,7% và tăng 2,6%). Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam trong hai tháng đầu năm 2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký



điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6,90 tỷ USD, tăng 35,5% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2025 ước đạt 2,95 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong hai tháng đầu năm 2025 có 30 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 233,6 triệu USD, gấp 9,4 lần so với cùng kỳ năm trước; có 05 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 5,4 triệu USD, gấp 24,3 lần. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 239 triệu USD, gấp 9,5 lần so với cùng kỳ năm trước.

Thu, chi ngân sách Nhà nước và an sinh xã hội

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 02/2025 ước đạt 191,9 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước hai tháng đầu năm 2025 đạt 499,8 nghìn tỷ đồng, bằng 25,4% dự toán năm và tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 02/2025 ước đạt 140,6 nghìn tỷ đồng; lũy kế hai tháng đầu năm 2025 ước đạt 293,8 nghìn tỷ đồng, bằng 11,5% dự toán năm và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 02/2025 ước đạt 561,7 nghìn tỷ đồng, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.137,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,2% (cùng kỳ năm 2024 tăng 5,3%). Trong tháng Hai, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 63,77 tỷ USD, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 127,07 tỷ USD, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 8,4%; nhập khẩu tăng 15,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 1,47 tỷ USD.

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2025 đạt 31,11 tỷ USD, giảm 6,2% so với tháng trước và tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 64,27 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 17,92 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư



nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 46,35 tỷ USD, tăng 6,7%, chiếm 72,1%. Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu hai tháng đầu năm 2025, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 57,01 tỷ USD, chiếm 88,7%.

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2025 đạt 32,66 tỷ USD, tăng 8,4% so với tháng trước và tăng 40,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 62,8 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 22,8 tỷ USD, tăng 18,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 40,0 tỷ USD, tăng 14,4%. Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu hai tháng đầu năm 2025, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 58,83 tỷ USD, chiếm 93,7%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 2 tháng đầu năm 2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 19,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 23,3 tỷ USD.

Cán cân thương mại hàng hóa hai tháng đầu năm 2025 xuất siêu 1,47 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,13 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,87 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 6,34 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2025 tăng 0,34% so với tháng trước; tăng 1,32% so với tháng 12/2024 và tăng 2,91% so với cùng kỳ năm 2024. Bình quân hai tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,97%. Chỉ số giá vàng tháng 02/2025 tăng 4,72% so với tháng trước; tăng 32,57% so với cùng kỳ năm trước; tăng 5,8% so với tháng 12/2024; bình quân 02 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 30,84%. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2025 giảm 0,06% so với tháng trước; tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,15% so với tháng 12/2024; bình quân 02 tháng đầu năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,75%.

Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng 02/2025 ước đạt 464,3 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 26,3 tỷ lượt khách.km, tăng 12,7%. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, vận tải hành khách ước đạt 912,4 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 52,1 tỷ lượt khách.km, tăng 16,2%. Vận tải hàng hóa tháng 02/2025 ước đạt 234,2 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 48,9 tỷ tấn.km, tăng 19,1%. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, vận tải hàng hóa ước đạt 471,8

triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 98,1 tỷ tấn.km, tăng 11,8%.

Chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với những giải thưởng du lịch danh giá được các tổ chức quốc tế trao tặng đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 02/2025 ước đạt gần 1,9 triệu lượt người, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung hai tháng đầu năm 2025, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 3,96 triệu lượt người, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm trước.c.

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

ĐIỂM NHẤN CHÍNH

- Dòng tiền đầu tư trên toàn cầu cho thấy NĐT thận trọng giải ngân vào quỹ cổ phiếu và tìm đến các tài sản khác như trái phiếu hay tiền tệ.
- Với quỹ cổ phiếu, dòng vốn vào quỹ cổ phiếu thị trường phát triển vẫn giữ được xu hướng vào ròng. Tuy nhiên, dòng vốn vào cổ phiếu thị trường mới nổi rút ròng mạnh.
- Trên TTCK Việt Nam, quy mô rút ròng tăng lại ở cả quỹ ETF lẫn quỹ chủ động. Dù vậy, dòng tiền gia tăng mạnh từ NĐT trong nước hỗ trợ thị trường tăng trên diện rộng trong tháng 2 với tâm điểm là sự quay lại của nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán.
- Số liệu kinh tế 2 tháng đầu năm tương đối tích cực, nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chưa đạt kỳ vọng đề ra cho Quý 1/2025. Chính phủ tiếp tục yêu cầu NHNN giảm lãi suất, trong bối cảnh DXY suy yếu và lạm phát trong tầm kiểm soát.
- Một số chỉ báo kỹ thuật cho thấy thị trường tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh ngắn. Tuy nhiên xu hướng chính là Tăng ngắn hạn vẫn được duy trì.
- SSIResearch cho rằng các yếu tố tiếp tục thúc đẩy TTCK Việt Nam đi lên là định giá hấp dẫn, triển vọng nâng hạng và các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng của Chính phủ. Rủi ro thuế quan với Việt Nam là có, nhưng thấp hơn các nước khác.

- Chiến lược giao dịch trong giai đoạn TTCK có sự cải thiện về thanh khoản nên tập trung vào các nhóm ngành thu hút mạnh dòng tiền.

Rủi ro thị trường điều chỉnh: Căng thẳng chiến tranh thương mại leo thang và lan rộng, USD biến động tăng mạnh trở lại, áp lực chốt lời mùa báo cáo KQKD.

Danh mục khuyến nghị tháng 3/2025: Đóng khuyến nghị: PNJ, KDH, HAH, VPB - Thêm mới: FRT, VNM, KBC, MBB - Nắm giữ: HHV

DÒNG TIỀN ĐẦU TƯ TRÊN TOÀN CẦU

Dòng tiền bật tăng vào quỹ trái phiếu, trong khi giảm lại ở quỹ cổ phiếu

- Quỹ cổ phiếu toàn cầu tiếp tục giữ trạng thái thận trọng trong 2 tuần đầu tháng 2 khi NĐT chưa chắc chắn về các chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump, nhưng gia tăng tốc độ vào rông trong 2 tuần cuối tháng, khi thuế quan được đánh giá có thể chỉ là công cụ đàm phán. Tính chung cả tháng, dòng tiền vào rông giảm 16% so với tháng 1, chỉ đạt 54,1 tỷ USD.
- Quỹ trái phiếu vào rông tích cực. Trái phiếu tiếp tục chứng tỏ là công cụ tài sản hấp dẫn trong môi trường nhiều biến động. Tháng 2 tiếp tục ghi nhận xu hướng vào rông với giá trị đạt 73,4 tỷ USD, tăng 9% so với tháng 1, và tương đương 11% giá trị vào rông của cả năm 2024. Sức hút gần như đến toàn bộ từ quỹ trái phiếu thị trường phát triển, với mức giải ngân là 71,8 tỷ USD.
- Dòng tiền vào quỹ thị trường tiền tệ: Quỹ thị trường tiền tệ bật tăng với giá trị đạt 121,5 tỷ USD, tăng 41% so với tháng 1. Xu hướng vào rông tập trung vào 2 tuần cuối tháng khi lo ngại chính sách thuế quan gây ra những bất ổn khó dự đoán.

Nhìn chung, chính sách thuế quan lên đối tác thương mại lớn của Tổng thống Donald Trump làm gia tăng khả năng chiến tranh thương mại leo thang. Do đó, NĐT thận trọng giải ngân vào quỹ cổ phiếu và tìm đến các tài sản khác an toàn hơn bao gồm quỹ trái phiếu và quỹ tiền tệ.

DÒNG TIỀN ĐẦU TƯ VÀO QUỸ CỔ PHIẾU

Dòng vốn vào quỹ cổ phiếu thị trường phát triển (DM) vẫn giữ được xu hướng vào ròng trong tháng 2. Các quỹ ETF và chủ động ghi nhận giá trị vào ròng 69,1 tỷ USD, trong đó thị trường Mỹ tiếp tục hút dòng tiền (+41,8 tỷ USD).

Dòng vốn vào cổ phiếu thị trường mới nổi (EM) rút ròng mạnh gần 15 tỷ USD. Đảo chiều sau 2 tháng vào ròng, NĐT rút 15,5 tỷ USD ra khỏi thị trường Trung Quốc - cao nhất từ tháng 7/2020, khi Tổng thống Donald Trump áp dụng các chính sách thuế quan mạnh tay lên thị trường này. Ấn Độ tiếp tục ghi nhận rút ròng 1,6 tỷ USD, và trạng thái rút ròng cũng ghi nhận ở một số thị trường Đông Nam Á. Riêng Đài Loan vẫn ghi nhận vào ròng 1,3 tỷ USD.

Các chính sách thuế quan của Tổng Thống Trump gây rủi ro lạm phát cao quay lại và các số liệu sản xuất và tiêu dùng gần đây công bố thấp hơn kỳ vọng cho thấy khả năng nền kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại. Công cụ Atlanta Fed GDPNow vào ngày 3/3 cho thấy GDP thực tế của Mỹ trong Q1/2025 có thể tăng trưởng âm 2,8% khiến NĐT tìm đến các tài sản an toàn hơn. Đồng thời, kết quả khảo sát từ BofA cho thấy tỷ trọng tiền mặt đang ở mức 3,5% - mức thấp nhất kể từ năm 2010. Tỷ trọng tiền mặt thấp trong khi thị trường Mỹ đang ở mức định giá cao có thể gây rủi ro đảo chiều trên TTCK khi nền kinh tế suy yếu.

Tuy nhiên, sức hấp dẫn của thị trường Mỹ vẫn cao hơn so với các thị trường phát triển khác trong bối cảnh kinh tế Mỹ tích cực hơn trong giai đoạn hiện tại. Do vậy, dòng tiền vào thị trường cổ phiếu Mỹ có thể vẫn sẽ tích cực dù thận trọng hơn.

DÒNG TIỀN ĐẦU TƯ VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Quy mô rút ròng tăng trở lại

Các quỹ ETF tiếp tục duy trì trạng thái rút ròng trong tháng 2 và gia tăng cường độ so với tháng trước. Giá trị rút ròng ghi nhận ở mức -1.155,7 tỷ đồng, lũy kế 2 tháng đầu năm ở mức -1.771,8 tỷ đồng, tương đương 3% tổng tài sản các quỹ ETF vào cuối năm 2024, đưa tổng tài sản các quỹ ETF về 56,9 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, giá trị rút 2 tháng đầu năm 2025 vẫn thấp hơn 34,5% so với cùng kỳ 2024.

Một số quỹ ngoại thu hẹp quy mô rút ròng. Cụ thể, VanEck Vietnam ETF (-264 tỷ đồng) giảm đáng kể quy mô rút ròng so với 3 tháng liền trước, hay Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (-6,3 tỷ đồng) chỉ rút ròng nhẹ. Riêng quỹ Fubon tăng nhẹ giá trị rút ròng lên -254,9 tỷ đồng trong tháng 2.

Các quỹ nội ghi nhận trạng thái mua ròng chậm lại, trong đó có một số quỹ chuyển sang bán ròng. DCVFMVN30 ETF (-433 tỷ đồng) ghi nhận tháng thứ 4 liên tiếp bị rút ròng, DCVFMVN Diamond ETF (-190 tỷ đồng) đảo chiều bán ròng, sau 2 tháng vào ròng trước đó.

Dòng tiền từ các quỹ chủ động đều ghi nhận rút ròng trong tháng 2. Các quỹ chủ động chỉ đầu tư vào Việt Nam và các quỹ đầu tư đa quốc gia, rút ròng lần lượt 826 tỷ đồng và 787 tỷ đồng. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2025, các quỹ chủ động chỉ đầu tư vào Việt Nam đã rút 1.658 tỷ đồng.

Tỷ trọng khối lượng NĐTNN sở hữu trên TTCK Việt Nam hiện chỉ chiếm 13,1%, mức thấp nhất từ năm 2015 đến nay và sự suy yếu của DXY sẽ hạn chế áp lực bán ròng từ khối ngoại trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, dòng vốn đầu tư toàn cầu vẫn đang ưu tiên hơn cho các thị trường phát triển và TTCK Việt Nam cần có những biện pháp phát triển thị trường cụ thể hơn để hấp dẫn NĐTNN quay trở lại.

Xu hướng thị trường tại thời điểm hiện tại được giữ vững và kỳ vọng thu hút dòng tiền mạnh hơn từ NĐT trong nước, đến từ việc dòng tiền luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành, định giá đang ở mức thấp. Cùng với định hướng tăng trưởng kinh tế mạnh của Chính phủ và các câu chuyện riêng, tiêu biểu như câu chuyện áp thuế phòng vệ đối với ngành thép, giải pháp tháo gỡ pháp lý đối với một số dự án bất động sản dân cư, kỳ vọng triển khai hệ thống KRX, hay Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.

KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 2

Số liệu kinh tế hai tháng đầu năm tuy chưa đạt mức kỳ vọng của Chính phủ, nhưng cũng có dấu hiệu tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ 2024, đặt nền tảng cho tăng trưởng của những quý sau.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,2% svck (chế biến chế tạo: +9,3%), là điểm sáng của 2 tháng đầu năm, đi ngược với xu hướng của chỉ số PMI ngành chế biến chế tạo.
- Xuất khẩu tăng ở mức khá (+8,4%), trong khi nhập khẩu tăng mạnh (+15,9%), thể hiện triển vọng tăng trưởng xuất khẩu trong các tháng tới khi nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh.



- Tiêu dùng nội địa vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,4% svck, loại trừ yếu tố giá chỉ tăng 6,2%, thấp hơn so với mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn trước Covid-19.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng trung bình 3,27% svck, thấp hơn mục tiêu của Chính phủ cho năm 2025 (4,5-5%) và đây cũng là mức chấp nhận của giai đoạn tháng Tết.
- Đầu tư công đi ngang (tương đương 2024), giải ngân FDI tăng khá (5,4%) và thu ngân sách tăng mạnh (25,7% svck) là các yếu tố tích cực, cho thấy áp lực đối với cán cân ngân sách đã giảm đi đáng kể.
- Tỷ giá tiếp tục yếu đi trong tháng, mặc dù DXY cũng có dấu hiệu quay đầu giảm. Áp lực đối với dự trữ ngoại hối, xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ là các nguyên nhân chính, tuy nhiên có thể áp lực tỷ giá sẽ giảm dần trong nửa cuối 2025.

ĐIỂM NHẤN TÌNH HÌNH VĨ MÔ TRONG THÁNG

- Bộ Chính trị đặt quyết tâm lớn trong việc tiếp tục cải cách thể chế, với việc nghiên cứu việc sáp nhập một số tỉnh, bỏ đơn vị hành chính cấp huyện cũng như nghiên cứu nhiều cơ chế đặc thù, thí điểm để hỗ trợ tăng trưởng trong thời gian tới.
- Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất chính sách để hỗ trợ tăng trưởng, và có thể sẽ có thông báo sớm từ phía NHNN. Tuy nhiên, các giải pháp dài hạn hơn, như tăng vốn cho các NHTM, luật hóa Nghị quyết 42 về xử lý nợ xấu, hay phát triển thị trường vốn nên được ưu tiên.
- Rủi ro về thuế quan gia tăng sau các quyết định từ phía Chính quyền của Tổng thống Trump. Tuy Việt Nam chưa phải là đối tượng đánh thuế, nhưng có thể mức thuế áp dụng sẽ không cao (10%, tính cả thuế nhập khẩu và thuế đối kháng) cũng như thời hạn áp dụng ngắn, do Việt Nam đã chuẩn bị các giải pháp để đàm phán với phía Hoa Kỳ.

Trong ngắn hạn, có thể vẫn có rủi ro, nhưng các chính sách thuế quan về dài hạn vẫn sẽ có tác động tích cực đối với Việt Nam, khi các DN FDI tiếp tục phải đa dạng hóa chuỗi cung ứng và cơ sở sản xuất.

TTCK VIỆT NAM THÁNG 2 – THUẬN LỢI

- TTCK thế giới với rủi ro chính sách thuế quan khiến căng thẳng thương mại leo thang là rủi ro chính khiến một số thị trường kém tích cực như Mỹ và Nhật Bản.
- TTCK Việt Nam tăng điểm trọn vẹn trong tháng 2. VNIndex kết phiên 28/2 tại 1.305,4 điểm, tăng hơn 40 điểm (+3,2%) so với tháng trước và tăng 3,1% từ đầu năm. Trong đó, VN30 tăng 1,4%; nhóm vốn hóa trung bình và thấp tăng vượt trội hơn lần lượt 4,6% trên VNMidcap và 7,1% trên VNSmallcap. Thị trường Việt Nam diễn biến tích cực nhờ nền tảng vĩ mô ổn định với mục tiêu tăng trưởng GDP 8% và tín dụng tăng trưởng 16% trong năm 2025 của Chính phủ, đi kèm kỳ vọng nâng hạng thị trường.

THÁNG TĂNG ĐIỂM TRÊN DIỆN RỘNG

Thị trường tăng điểm trên diện rộng và ghi nhận nhiều nhóm ngành tăng trưởng cao hơn thị trường chung:

- Nhóm Tài nguyên cơ bản tăng 18%, nhờ động lực từ cổ phiếu Thép khi hưởng lợi trực tiếp từ quyết định áp thuế chống bán phá giá thép Trung Quốc.
- Nhóm Hóa chất tăng 11,1% nhờ các cổ phiếu cao su tự nhiên phục hồi mạnh mẽ trong tháng như PHR +27% và GVR +16%.
- Nhóm Bất động sản ghi nhận sức bật mạnh ở Bất động sản Khu công nghiệp (+8,9%) và Bất động sản Dân cư (+4,4%). Đi kèm theo đó mức tăng 7,2% ở nhóm Xây dựng & VLXD.
- Nhóm Tài chính cũng đồng loạt khởi sắc: Bảo hiểm (+8,8%), Chứng khoán (+8,8%) và Ngân hàng (+3,4%).
- Các nhóm cổ phiếu mang tính phòng thủ cũng có tháng đi lên về điểm số: Y tế (+4,5%), Điện nước (+2,8%). Dầu khí cũng tăng 6,2% dù áp lực từ giá dầu giảm. Các nhóm đi sau thị trường chung: Viễn thông (-9,7%), Công nghệ thông tin (-7,7%) chịu ảnh hưởng từ xu hướng yếu đi của cổ phiếu công nghệ toàn cầu. Bán lẻ (-2,4%) và Hàng Dịch vụ công nghiệp (-2,1%) cũng là 2 nhóm kém khả quan trong tháng.

Nhóm các cổ phiếu tác động tăng mạnh nhất lên thị trường chung: CTG, GVR, TCB, HPG, GEE, VHM, BCM, BID, PLX, EIB.

DÒNG TIỀN ĐẨY MẠNH THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG*đvt*

- Tâm lý NĐT lạc quan hơn khiến dòng tiền đẩy mạnh tham gia vào TTCK hơn giai đoạn trước. Thanh khoản khớp lệnh bình quân sàn HOSE tăng lên 14,3 nghìn tỷ đồng/phiên, mức cao nhất trong vòng 6 tháng.
- Dòng tiền tham gia mạnh hơn trên diện rộng, đặc biệt là các nhóm Ngành vốn hóa lớn như Ngân hàng, Thép, Bất động sản và Thực phẩm đồ uống, tạo động lực chính cho thị trường chung đi lên.

KHỐI NGOẠI GIA TĂNG BÁN RÒNG

- Khối ngoại gia tăng GT bán ròng tháng thứ 5 liên tiếp với giá trị tăng lên 9,6 nghìn tỷ đồng trên sàn HOSE, trong đó 9,2 nghìn tỷ đồng được thực hiện qua kênh khớp lệnh. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại bán ròng 16,1 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ trọng giao dịch khối ngoại cuối tháng 2 thu hẹp còn 12,3%; thấp nhất kể từ tháng 7/2024 cho thấy dòng tiền hoạt động mạnh hơn từ khối NĐT trong nước.

KHỐI NGOẠI TẬP TRUNG BÁN RÒNG Ở CÁC MÃ VỐN HÓA LỚN

- Áp lực bán ròng ghi nhận chủ yếu ở các mã vốn hóa lớn, như FPT (-1,3 nghìn tỷ đồng), VNM (-1,1 nghìn tỷ đồng), MSN (-979 tỷ đồng). Hoạt động bán ròng có mức độ tập trung cao khi 10 cổ phiếu bán ròng nhiều nhất chiếm đến -7,3 nghìn tỷ đồng. Ngược lại, GVR, GEX và TCH dẫn đầu chiều mua ròng với GT mỗi mã quanh 250 tỷ đồng.
- Tính từ đầu năm, các nhóm ngành đang bị đẩy mạnh bán ròng là Công nghệ thông tin (-2,8 nghìn tỷ đồng), Ngân hàng (-2,7 nghìn tỷ đồng), Bán lẻ (-2,0 nghìn tỷ đồng), Thực phẩm đồ uống (-1,7 nghìn tỷ đồng). Các nhóm ngành khối ngoại mua ròng xuyên suốt ghi nhận ở nhóm Xây dựng&VLXD và nhóm Bất động sản Khu công nghiệp.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Sau hợp đồng tương lai chỉ số, chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm đòn bẩy tiếp theo được ra mắt nhằm giúp tăng tính đa dạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như giúp nhà đầu tư có thêm công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn. Cụ thể, chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm do công ty chứng khoán phát hành và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chứng quyền có một số ưu điểm nổi bật như chi phí đầu tư thấp, cố định mức lỗ và giao dịch giống như cổ phiếu (thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng).

Biến động của chứng quyền phụ thuộc vào các tham số đầu vào gồm giá và độ biến động của chứng khoán cơ sở, giá thực hiện và tỷ lệ thực hiện, thời gian đáo hạn, lãi suất phi rủi ro. Trong khi mức

đòn bẩy của hợp đồng tương lai đã cố định từ ban đầu thì với suốt vòng đời của chứng quyền (3 tháng tới 24 tháng) cho tới khi đáo hạn, sự thay đổi của giá và độ biến động chứng khoán cơ sở khiến mức đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm cũng thay đổi theo, làm nên tính hấp dẫn đặc biệt của sản phẩm này.

Nhà đầu tư có thể chọn mua chứng quyền tại thời điểm phát hành sơ cấp (IPO) hoặc mua trực tiếp sau khi chứng quyền đã niêm yết thứ cấp trên HOSE. Sau khi đã sở hữu chứng quyền, nhà đầu tư có thể chọn bán lại trên sàn giao dịch thứ cấp hoặc nắm giữ tới đáo hạn để thực hiện quyền.

Chứng quyền có bảo đảm được tạo lập thị trường bởi các tổ chức phát hành có uy tín giúp cho việc giao dịch mua bán hằng ngày của nhà đầu tư dễ dàng và tốn ít chi phí. Ngoài ra, các tổ chức phát hành khi bán chứng quyền cũng đồng thời phải phòng ngừa rủi ro bằng việc mua bán cổ phiếu và ký quỹ tại ngân hàng lưu ký theo quy định nên có thể đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, chứng quyền có bảo đảm cũng có những yếu tố rủi ro đặc thù và người tham gia có thể mất toàn bộ vốn đầu tư bỏ vào sản phẩm này nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc các lợi ích và rủi ro trước khi ra quyết định đầu tư.

Chứng quyền trong đợt phát hành này có tài sản cơ sở là cổ phiếu Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (VNM). Một số thông tin về tài sản cơ sở:

Lịch sử hình thành:

- Công ty cổ phần Sữa Việt Nam được thành lập dựa trên quyết định số 155/2003 QĐ-BCN ngày 01/10/2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sữa Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp thành công ty cổ phần Sữa Việt Nam. Tiền thân là Công ty Sữa, Café miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp Thực phẩm, với 2 đơn vị trực thuộc là Nhà máy Sữa Thống Nhất và Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- Cổ phiếu của công ty chính thức giao dịch trên trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/01/2006 với khối lượng niêm yết là 159 triệu cổ phiếu.
- Năm 2010: Công ty thực hiện chiến lược đầu tư ra nước ngoài bằng việc liên doanh xây dựng một Nhà máy chế biến sữa tại New Zealand với vốn góp 10 triệu USD, bằng 19,3% vốn điều lệ. Nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy Sữa bột Việt Nam. Đây là dự án xây mới 100% Nhà máy Sữa bột thứ hai của Công ty. Mua thâu tóm 100% cổ phần còn lại tại Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn. Khánh thành và đưa Nhà máy Nước giải khát tại Bình Dương đi vào hoạt động. Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk đã được Forbes Asia vinh danh và trao giải thưởng Top 200 Doanh nghiệp xuất sắc nhất khu vực châu Á năm 2012. Đây là lần đầu tiên và duy nhất một công ty Việt Nam được Forbes Asia ghi nhận trong danh sách này.



V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**1. Tóm tắt thông tin doanh nghiệp**

- ❖ Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- ❖ Tên tiếng anh : SSI Securities Corporation
- ❖ Tên viết tắt : SSI
- ❖ Vốn điều lệ : 19.638.639.180.000 VNĐ
- ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động : số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/04/2000 và các giấy phép điều chỉnh
- ❖ Trụ sở chính : 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ Điện thoại : +84 28 38242897
- ❖ Fax : +84 28 38242997
- ❖ Website : www.ssi.com.vn
- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:
 - Kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán
 - Tự doanh chứng khoán
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán

2. Quá trình hình thành phát triển

1999 - 2002	<ul style="list-style-type: none"> • 30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ; • 07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán; • 07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc.
--------------------	--

2003 - 2005	<ul style="list-style-type: none"> • 06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán.
2006 - 2008	<ul style="list-style-type: none"> • 11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường; • 12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội); • 08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập; • 10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh); • 04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ; • 06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI.
2009 - 2011	<ul style="list-style-type: none"> • 07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài; • 05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ.
2012 - 2014	<ul style="list-style-type: none"> • 03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

2015 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> • 04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ; • 09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ;
	<ul style="list-style-type: none"> • 01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ; • 04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ; • 05/2017: SSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch TTCK phái sinh.
2018 - 2021	<ul style="list-style-type: none"> • 02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm; • 12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI”, thống nhất tên gọi công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường; • 06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm; • 02/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VNĐ; • 06/2020: SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông; • 12/2020: SSI vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” do Đảng và Nhà nước trao tặng. SSI cũng là Công ty Chứng khoán tư nhân đầu tiên được trao tặng danh hiệu cao quý này. • 05/2021: SSI trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên đạt vốn hóa trên 1 tỷ USD; • 11/2021: SSI phát hành thành công 218,29 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ phát hành 6:2 (tháng 09/2021) và 109,1 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2022.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	75 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 12/GCN-UBCK ngày 15 tháng 04 năm 2022.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	530,5 tỷ VND	76,15%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Được thành lập theo</u>	<u>Ngành hoạt động</u>	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty Quốc tế SSI	Thành lập tại Hoa Kỳ theo Đăng ký Kinh doanh số 090813396 - 4724807 ngày 27 tháng 08 năm 2009.	Kinh doanh bất động sản	18.499.870,31 USD	76,15%
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0109944126 ngày 25 tháng 03 năm 2022.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Tư vấn quản lý, lập trình...	200 tỷ VND	68,54%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có hai (02) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Hình thức sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 20 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh tiếp theo. Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.162.945.800.000	Trực tiếp
Quý Đầu tư công nghệ số và Y tế Việt Nam	Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ thành viên số 38/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2021 và giấy chứng nhận điều chỉnh số 53/GCN-UBCK ngày 15 tháng 05 năm 2023.	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác.	50.000.000.000	Trực tiếp

Nguồn: SSI

5. Cổ đông lớn và Người có liên quan của Cổ đông lớn đồng thời là người nội bộ của TCPH

- Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn, cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước							



BẢN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

SSI

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
					-	-	-
Tổng Cộng A					-	-	-
B. Cổ đông lớn							
1	Daiwa Securities Group Inc.	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	301.259.263	15,34%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TZ1043285	12/02/2015	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông			-
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	06/09/2022	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội	164.108.992	8,36%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	056062007929	30/12/2021	20 Lam Sơn, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà			-
Tổng Cộng B					465.368.255	23,7 %	-
C. Cổ đông chiến lược							
1	Daiwa Securities Group Inc.	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	301.259.263	15,34%	-
	Đại diện: Hironori Oka						-
Tổng Cộng C					301.259.263	15,34%	-
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)							
					-	-	-
					-	-	-
Tổng Cộng D					-	-	-
Tổng Cộng (A+B+C+D)					465.368.255	23,7 %	-

(*) Tỷ lệ tính trên tổng vốn điều lệ tương ứng tổng số 1.963.863.918 cổ phiếu

Danh sách công ty mẹ - con, công ty có quyền kiểm soát, chi phối: SSI là công ty mẹ, sở hữu trực tiếp 100% công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), ngoài ra còn sở hữu gián tiếp Công ty Quốc tế SSI thông qua Quỹ Thành viên SSI (SSI IMF) và Công ty cổ phần Công nghệ số SSI như Cơ cấu sở hữu tại Mục V.4

- Danh sách Người có liên quan của Công ty theo Công bố thông tin gần nhất.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization / individual	Chức vụ tại công ty/Mối quan hệ với công ty Position at the company / Relations with the company	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Commencement date as related person	Thời điểm không còn là người có liên quan End date as non-related person	Lý do Reasons
A. CÁ NHÂN / INDIVIDUALS					
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật Chairman of Board, Legal Representative	01/11/1999		Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, TGD Board member, CEO	01/11/1999		Giấy phép thành lập doanh nghiệp ngày 30/12/1999
3	Hironori Oka	Thành viên HĐQT Board member	23/4/2015		Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ
4	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT Board member	23/4/2015		Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ
5	Phạm Viết Muôn	Thành viên độc lập HĐQT - Trưởng Ủy ban kiểm toán Independent Board member - Head of Audit Committee	25/04/2019		Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐQT Theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT
6	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT - Thành viên Ủy ban kiểm toán Independent Board member - Member of Audit Committee	07/05/2022		Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT Theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT
7	Nguyễn Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc Deputy CEO	01/3/2024		Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT ngày 20/02/2024
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính Chief Finance Officer	09/05/2005		
9	Nguyễn Thị Hải Anh	Kế toán trưởng Chief Accountant	14/08/2023		

10	Nguyễn Kim Long	Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền CBTT <i>Company Secretary, Person in charge of corporate governance Authorized person to disclose information</i>	01/01/2021		
11	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch của Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI <i>Chairman of SSI Asset Management (SSIAM)</i>	01/01/2021		
12	Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI <i>CEO cum Legal Representative of SSI Asset Management</i>	19/12/2022		
B. TỔ CHỨC / ORGANIZATION					
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI <i>SSI Asset Management (SSIAM)</i>	Công ty con SSI sở hữu 100% <i>SSI 100% owned subsidiary</i>	03/08/2007		
2	Quỹ đầu tư thành viên SSI (SSI IMF) <i>SSI Investment Member Funds</i>	Công ty con SSI sở hữu 76,15% <i>SSI 76,15% owned subsidiary</i>	27/07/2010		
3	Công ty Quốc tế SSI <i>SSI International Company</i>	76,15% sở hữu gián tiếp thông qua SSI IMF <i>76,15% indirect ownership through SSI IMF</i>	27/08/2009		
4	Quỹ đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam <i>Vietnam Digitalization and Healthcare Fund</i>	Công ty liên kết theo Nghị quyết của Hội đồng đầu tư số 10/2021/BB-HĐĐT 19/8/2021 <i>Affiliated company according to Resolution of Board of Investment No. 10/2021/BB-HĐĐT dated August 19th, 2021</i>	19/8/2021		
5	Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI <i>SSI Digital Technology Join Stock Company</i>	68,54% sở hữu gián tiếp thông qua SSI IMF <i>68,54% indirect ownership through SSI IMF</i>	25/03/2022		
6	Daiwa Securities Group Inc.	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ trên 10% vốn có quyền biểu quyết của SSI <i>Strategic shareholder holding more than 10% of outstanding shares</i>	30/07/2015		
7	Công ty TNHH Đầu tư NDH <i>NDH Invest Company Limited</i>	Chủ tịch HĐQT SSI đồng thời là Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư NDH <i>Chairman of SSI's Board is owner and Chairman of NDH is Board Chairman of SSI</i>	06/01/2015		

8	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh <i>Sai Gon Dan Linh Real Estate Company Limited</i>	TV HĐQT kiêm TGĐ SSI là Chủ sở hữu, Chủ tịch HĐQT Sài Gòn Đan Linh <i>Board member cum CEO of SSI is Owner, Board Chairman of Sai Gon Dan Linh Real Estate Co., Ltd</i>	22/09/2014		
9	Công ty CP Tập đoàn PAN <i>The PAN Group Joint Stock Company</i>	Chủ tịch HĐQT PAN là Chủ tịch HĐQT SSI <i>The Board Chairman of PAN is concurrently the Board Chairman of SSI</i> Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là TV HĐQT PAN <i>Board Member of SSI, Nguyen Duy Khanh is Board Member of SSI</i>	31/08/2005		
10	Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn <i>Nguyen Sai Gon Limited Company</i>	Em trai Chủ tịch HĐQT SSI làm Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn <i>Brother of Board Chairman of SSI is Owner of Nguyen Sai Gon Limited Company</i>	01/01/2021		

6. Ban điều hành

Ban điều hành: Ban điều hành công ty gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán

Bảng: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh
Hội đồng Quản trị			
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	1962
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành Viên HĐQT	1967
3	Ông Hironori Oka	Thành viên HĐQT	1963
4	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	1991
5	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên Độc lập HĐQT	1954
6	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Độc lập HĐQT	1959
Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	1967
2	Ông Nguyễn Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc	1988

Ủy ban kiểm toán

1	Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng Ủy ban kiểm toán	1954
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên Ủy ban kiểm toán	1959

6.1 Hội đồng Quản trị**a. Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT**

Ông Nguyễn Duy Hưng (sinh năm 1962) tốt nghiệp Cử nhân Luật từ Đại học Luật Hà Nội và Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, đồng thời từng du học tại trường đại học Carl Schorlemmer Merseburg, Cộng hòa Dân chủ Đức từ năm 1980 đến 1984.

Ông Nguyễn Duy Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) – Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao. Ông Nguyễn Duy Hưng vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng ba nhờ những đóng góp và xây dựng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Hưng được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.

b. Ông Nguyễn Hồng Nam – Thành Viên HĐQT

Thành Viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc. Ông Nguyễn Hồng Nam (sinh năm 1967) có bằng Thạc sĩ Khoa học – Đại học Bách Khoa Lugansk, Ukraina. Ông là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Cùng với ông Nguyễn Duy Hưng, ông Nam tham gia sáng lập CTCP Chứng khoán SSI. Trước năm 2020, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT SSI. Từ ngày 1/8/2020, Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của CTCP Chứng khoán SSI.

Ông Nguyễn Hồng Nam được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.

c. Ông Hironori Oka – Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka (sinh năm 1963) đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hong Kong, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông Oka tốt nghiệp Đại học Waseda năm 1986 với bằng Cử nhân Văn học và hoàn thành chương trình quản trị tiên tiến tại Trường Kinh doanh Harvard (Harvard Business School) năm 2010. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

Ông Hironori Oka được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 23/04/2015

**d. Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành Viên HĐQT**

Ông Nguyễn Duy Khánh (sinh năm 1991) tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Đại học George Washington – Hoa Kỳ. Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Nguyễn Duy Khánh được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 23/04/2015.

e. Ông Phạm Viết Muôn – Thành Viên Độc Lập HĐQT

Ông Phạm Viết Muôn (sinh năm 1954) có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Liên Xô. Ông Muôn nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tái cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Phạm Viết Muôn được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 25/04/2019.

f. Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành Viên Độc Lập HĐQT

Ông Nguyễn Quốc Cường (sinh năm 1959) có bằng Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Trường Luật Fletcher, Hoa Kỳ. Ông Cường là một chính khách nổi tiếng, một nhà ngoại giao kỳ cựu của Việt Nam. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay ông cũng là Cố vấn cao cấp tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, đồng thời là chuyên gia tư vấn Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ông Nguyễn Quốc Cường được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 07/05/2022.

6.2 Ban Tổng Giám Đốc**a. Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám Đốc**

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám Đốc được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây.

b. Ông Nguyễn Đức Thông – Phó Tổng Giám Đốc

Ông Thông tốt nghiệp Đại học và Cao học tại Đại học Cambridge (Vương quốc Anh). Trước đây, ông từng làm việc tại các tập đoàn tài chính lớn trên thế giới suốt 8 năm, trong đó có Goldman Sachs và từng nắm giữ vị trí Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư định lượng tại Morgan Stanley. Ông đã gia nhập SSI từ năm

2019, khi đó ông là Giám đốc Giao dịch phái sinh - chịu trách nhiệm phát triển sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm.

6.3 Ủy ban kiểm toán

a. Ông Phạm Viết Muôn – Trưởng Ủy ban kiểm toán

Vui lòng xem thông tin về Ông Phạm Viết Muôn – Trưởng Ủy ban kiểm toán được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây

b. Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên Ủy ban kiểm toán

Vui lòng xem thông tin về Ông Nguyễn Quốc Cường – Thành viên Ủy ban kiểm toán được nêu tại phần giới thiệu Hội đồng Quản trị phía trên đây

7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Ông Đặng Mạnh Cường - Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro

Ông Đặng Mạnh Cường có kinh nghiệm hơn 11 năm làm trong lĩnh vực chứng khoán trong đó có hơn 8 năm đảm nhiệm vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro. Ông Cường đã trang bị một nền tảng kiến thức chuyên môn sâu về Tài chính, Quản trị Rủi ro và Công nghệ Thông tin để phục vụ cho công việc, cụ thể là Bằng Kỹ sư Công nghệ Thông tin, Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Chứng chỉ Quản trị Rủi ro quốc tế FRM, chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính của UBCK Nhà nước. Trong suốt quá trình làm việc của mình ông luôn thể hiện sự chuyên nghiệp và công tâm trong công việc và được tổ chức cũng như đồng nghiệp tin nhiệm cao.

VI. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh tại SSI được chia thành các mảng kinh doanh chính:

- Dịch vụ chứng khoán
- Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
- Quản lý quỹ
- Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính
- Đầu tư

Trên cơ sở Dịch vụ chứng khoán là nền tảng, các mảng kinh doanh vừa hoạt động độc lập, vừa tích cực hỗ trợ lẫn nhau, cung cấp cho khách hàng sản phẩm đa dạng, phong phú và trọn gói, gia tăng tính cạnh

tranh của SSI. Một trong những lợi thế rất lớn của SSI so với các công ty chứng khoán khác là các mảng kinh doanh phát triển mạnh đồng đều và vững chắc, có uy tín trong ngành.

1.1. Dịch vụ chứng khoán

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN – KHỐI BÁN LẺ

Năm 2024, Khối Bán lẻ tiếp tục đóng vai trò trọng yếu trong chiến lược phát triển chung của SSI. Với những nỗ lực không ngừng trong việc mở rộng thị phần, gia tăng dư nợ margin và cải thiện chất lượng dịch vụ, khối đã đạt được những kết quả tích cực, dù vẫn còn một số thách thức cần phải khắc phục.

Trong năm, thị phần môi giới của Khối Bán lẻ đạt 7,29%, dư nợ margin bình quân trong năm đạt 17.745 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 41% so với năm trước và vượt 104% so với kế hoạch đề ra. Kết quả này đến từ việc triển khai các chính sách lãi suất ưu đãi linh hoạt, tối ưu danh mục cổ phiếu margin và các chương trình hỗ trợ tài chính hiệu quả, giúp khách hàng tiếp cận nguồn vốn một cách thuận lợi hơn.

Số lượng tài khoản mở mới trong năm cũng tăng 36% so với năm 2023, phản ánh sự mở rộng quy mô khách hàng của Khối. Doanh thu từ hoạt động bán lẻ ghi nhận 3.495 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2023 và hoàn thành 91% kế hoạch năm. Lợi nhuận nội khối đạt 989 tỷ đồng, cũng tăng 15% so với năm trước và đạt 98% kế hoạch, cho thấy sự kiểm soát tốt về chi phí và hiệu quả vận hành trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Khối Bán lẻ trong năm qua có nhiều điểm sáng, đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh mẽ của dư nợ margin và số lượng khách hàng mở mới. Việc triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất đa dạng, phù hợp với từng nhóm khách hàng, kết hợp với chiến lược truyền thông mạnh mẽ đã góp phần đáng kể vào kết quả tích cực này. Ngoài ra, công tác tối ưu hóa hệ thống và cải thiện quy trình giao dịch cũng giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, từ đó thúc đẩy sự gắn kết và lòng trung thành của nhà đầu tư.

Đặc biệt, vào cuối năm 2024, SSI chính thức tách hoạt động kinh doanh trực tuyến thành một dự án chiến lược – Dự án Digital Sales, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tiểu ban Chiến lược, báo cáo cho Đại diện HĐQT trong Tiểu ban Chiến lược. Ngay sau khi triển khai, dự án đã ra mắt chương trình “Người Đồng Hành”, nhằm tạo dựng một hệ thống kết nối và phát triển khách hàng chất lượng cho SSI. Chương trình nhanh chóng gây tiếng vang lớn trên thị trường và được xem là nền tảng quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng của kênh Digital Sales trong năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo.

Chính sách khách hàng – Tăng trưởng dư nợ margin thông qua các chương trình ưu đãi chiến lược

Nhằm thúc đẩy tăng trưởng dư nợ margin và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng vốn, trong năm 2024, SSI đã triển khai loạt chương trình ưu đãi hấp dẫn nằm trong chiến dịch “Đại tiệc Margin”, bao gồm các chương trình tiêu biểu như “Full năm rủng rỗi lãi margin”, “M7”, và “Vay nhiều lãi yếu M9”. Những chương trình



này được thiết kế với cách tiếp cận mới mẻ, tập trung vào việc gia tăng tính cạnh tranh, cải thiện trải nghiệm khách hàng và tối đa hóa giá trị sử dụng vốn vay ký quỹ.

Nhờ những chính sách linh hoạt và sáng tạo, các chương trình này đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Cụ thể, chương trình M9 đã giúp dư nợ margin bình quân toàn chương trình đạt 867 tỷ đồng, trong đó mức tăng thêm đạt 346 tỷ đồng, tương ứng mức tăng bình quân 5,3 tỷ đồng/khách hàng. Chương trình M7 cũng ghi nhận kết quả ấn tượng khi dư nợ margin bình quân đạt 1.276 tỷ đồng, mức tăng thêm đạt 636 tỷ đồng, với mức tăng bình quân 400 triệu đồng/khách hàng.

Chính sách môi giới – Đổi mới mô hình kinh doanh thông qua nền tảng số

Song song với việc triển khai các chương trình ưu đãi cho khách hàng, SSI cũng tập trung phát triển chính sách môi giới nhằm mở rộng thị phần và tối ưu hóa hiệu suất bán hàng. Một trong những bước tiến quan trọng trong năm 2024 là việc đưa vào vận hành mô hình bán hàng mới thông qua dự án Môi giới Social.

Mô hình này được thiết kế nhằm tận dụng sức mạnh của các nền tảng số để tiếp cận nhóm khách hàng tiềm năng một cách hiệu quả hơn, đồng thời giúp đội ngũ môi giới gia tăng tỷ lệ chuyển đổi và mở rộng tệp khách hàng nhanh chóng. Chỉ sau 6 tháng triển khai, dự án Môi giới Social đã ghi nhận những kết quả đáng khích lệ, với số lượng tài khoản mở mới tăng 3% svck. Đặc biệt, dự án đã đóng góp 0,9% vào thị phần môi giới của SSI, thể hiện vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Việc áp dụng mô hình Môi giới Social không chỉ giúp SSI nâng cao năng lực tiếp cận khách hàng mà còn tạo ra một hệ sinh thái môi giới hiện đại, phù hợp với xu hướng số hóa trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán. Trong thời gian tới, SSI sẽ tiếp tục đầu tư và hoàn thiện mô hình này nhằm tối ưu hóa hiệu suất hoạt động của đội ngũ môi giới và nâng cao hơn nữa vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến

SSI liên tục thực hiện các cải tiến quan trọng đối với nền tảng giao dịch nhằm đảm bảo tính ổn định, bảo mật và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng. Trong năm 2024, Công ty đã triển khai thành công 83 gói nâng cấp hệ thống (golive), bổ sung nhiều tính năng mới và tinh chỉnh những tính năng sẵn có. Các bản cập nhật này được phát hành đều đặn hàng tuần, giúp hệ thống giao dịch của SSI ngày càng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu đa dạng của NĐT.

Các nâng cấp quan trọng bao gồm: cải tiến luồng thay đổi phương thức xác thực, bổ sung tính năng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, tích hợp Trading View, triển khai lệnh điều kiện, phát triển iFollow, khuyến nghị đầu tư cá nhân hóa, và cho phép đăng ký các gói ưu đãi dịch vụ tài chính trực tiếp trên nền tảng. Những cải tiến này không chỉ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch và quản lý danh mục đầu tư một cách linh hoạt và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, vào tháng 4/2024, SSI chính thức dừng hoạt động của bốn nền tảng giao dịch trực tuyến cũ (Web Trading, Mobile Trading, Pro Trading và phiên bản cũ của iBoard app) để tập trung hoàn toàn vào việc phát triển và tối ưu hóa nền tảng iBoard Pro trên cả phiên bản web và ứng dụng di động. Quyết định này giúp SSI tăng cường hiệu suất hệ thống, giảm thiểu sự phân tán nguồn lực và nâng cao trải nghiệm giao dịch đồng nhất trên toàn bộ các thiết bị.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN – KHỐI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Năm 2024, thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam tiếp tục chứng kiến nhiều biến động do tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô, địa chính trị và xu hướng dòng vốn. Tuy nhiên, bên cạnh những thách thức, thị trường cũng ghi nhận những tín hiệu tích cực góp phần định hình xu hướng phát triển trong tương lai.

Thanh khoản thị trường duy trì đã tăng trưởng ấn tượng với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đạt 21 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2023. Sự cải thiện về thanh khoản không chỉ phản ánh tâm lý tích cực của nhà đầu tư mà còn là minh chứng cho sự phục hồi và phát triển bền vững của thị trường vốn Việt Nam.

Dòng vốn ngoại tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong sự vận động của thị trường, với tần suất giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng cao, chiếm 10,4% tổng giá trị giao dịch trên HOSE. Tuy nhiên, xu hướng chung của dòng vốn ngoại vẫn thiên về trạng thái bán ròng, với tổng giá trị bán ròng lên tới 96.000 tỷ đồng trên cả ba sàn giao dịch.

Một xu hướng nổi bật trong năm qua là sự gia tăng mạnh mẽ của giao dịch thuật toán (Algorithmic Trading). Hình thức giao dịch này ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, phản ánh sự chuyển dịch theo hướng công nghệ hóa và tự động hóa trong chiến lược đầu tư của các tổ chức quốc tế.

Bên cạnh đó, SSI đã thành công trong việc triển khai sản phẩm Non-Prefunding (NPF) – một giải pháp quan trọng giúp KHTC tối ưu hóa dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Việc triển khai NPF không chỉ giúp tăng tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam mà còn là một bước tiến chiến lược hướng tới mục tiêu nâng hạng Việt Nam lên nhóm Emerging Market (EM) vào năm 2025.

Năm 2024 là một năm có nhiều bước tiến quan trọng đối với Khối KHTC SSI. Với sự nỗ lực không ngừng trong việc mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm mới và ứng dụng công nghệ giao dịch tiên tiến, công ty đã củng cố vững chắc vị thế của mình trên thị trường tài chính Việt Nam. Dù còn một số thách thức cần khắc phục, nhưng với nền tảng đã được xây dựng, SSI sẵn sàng tiếp tục đẩy mạnh các chiến lược phát triển, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và khai thác tối đa tiềm năng của thị trường trong giai đoạn tiếp theo.

1.2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Trong năm 2024, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã đạt doanh thu 92,6 tỷ VNĐ, ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể 26% svck năm trước. Thành tựu này đặc biệt nổi bật trong bối cảnh thị trường tài chính gặp nhiều thách thức, bao gồm sự thận trọng từ các nhà đầu tư nước ngoài đối với thị trường vốn và tình hình kém sôi động của thị trường nợ.

Mức tăng trưởng này đạt được nhờ sự linh hoạt và sáng tạo trong việc tìm kiếm và phát triển các sản phẩm tài chính mới, phù hợp với nhu cầu biến động của khách hàng doanh nghiệp và NĐT. Khả năng thích nghi với các xu hướng mới và điều kiện thị trường khó khăn đã khẳng định vị thế của SSI là một tổ chức tư vấn tài chính hàng đầu, luôn giữ vững sự uy tín và chuyên nghiệp trong mọi hoạt động.

Trong năm 2024, Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đã hoàn thành một loạt các giao dịch nổi bật với quy mô lớn, bao gồm:

Mảng Thị trường Vốn (ECM)	Mảng Thị trường Nợ (DCM)	Mảng Tài chính doanh nghiệp:
<ul style="list-style-type: none"> - Đồng quản lý giao dịch cho Giao dịch theo lô của NHTMCP Á Châu trị giá 180 triệu USD - Tư vấn và môi giới cho Giao dịch theo lô của BIWASE trị giá 18,5 triệu USD - Tư vấn, Đại lý phát hành cho Giao dịch Trái phiếu chuyển đổi của Cảng Hải An trị giá 20 triệu USD 	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn phát hành trái phiếu Vietinbank trị giá 470 triệu USD - Tư vấn phát hành trái phiếu Home Credit trị giá 113 triệu USD - Tư vấn phát hành trái phiếu xanh Vietcombank giá 125 triệu USD 	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn Hồ sơ Đại chúng hóa/ Phát hành hiện hữu/ Niêm yết của Vinpearl

Là một thành viên tích cực của TTCK, SSI cam kết hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam không chỉ trong việc huy động vốn mà còn trong phát triển các giải pháp tài chính bền vững. Trước xu hướng các định chế tài chính toàn cầu tập trung vào các dự án đáp ứng các tiêu chí về **Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG)**, SSI đã đồng hành cùng các doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong năm 2024, SSI đã tư vấn thành công cho đợt phát hành trái phiếu xanh của Vietcombank với quy mô 125 triệu USD. Đây là dự án không chỉ mang lại nguồn vốn phát triển mà còn góp phần lan tỏa giá trị bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam

1.3. Quản lý Quỹ

Khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường quản lý quỹ

Năm 2024, các quỹ mở do SSIAM quản lý tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu trên thị trường, nhờ vào đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc về thị trường nội địa và chiến lược đầu tư bài bản. Với phương pháp QTRR chặt chẽ, SSIAM đã mang lại hiệu suất đầu tư vượt trội cho các nhà đầu tư. Hai quỹ mở Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI (SSI-SCA) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Dài hạn Việt Nam (VLGF) tiếp tục nằm trong top 3 quỹ mở có hiệu suất đầu tư cao nhất thị trường, với tỷ suất lợi nhuận lần lượt là 33,5% và 29,7%, vượt hơn 2 lần so với mức tăng trưởng của VN-Index.

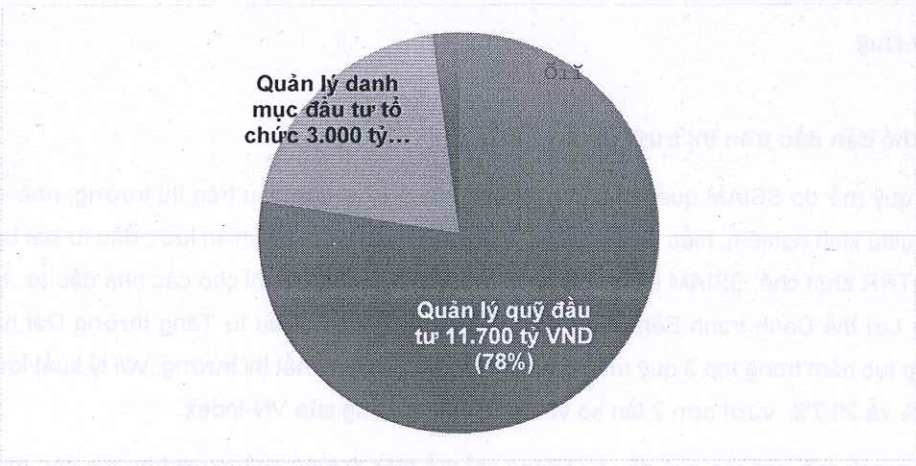
Sự tăng trưởng mạnh mẽ của các quỹ đầu tư không chỉ thể hiện ở hiệu suất vượt trội, mà còn phản ánh qua sự mở rộng mạnh mẽ của cơ sở nhà đầu tư. SSIAM hiện đang phục vụ hơn 157 nghìn NĐT, tăng 80% so với năm 2023. Kết quả này là minh chứng cho quá trình không ngừng xây dựng nền tảng vững chắc của công ty, thông qua việc đầu tư vào phát triển thương hiệu, triển khai các chiến dịch chia sẻ kiến thức đầu tư, mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech, và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng với công nghệ hiện đại.

Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam ngày càng mở rộng, số lượng cổ phiếu ngày một gia tăng, khiến việc tự đầu tư trở nên thách thức hơn đối với cá nhân. Vai trò của quỹ mở vì thế ngày càng quan trọng, giúp các nhà đầu tư tiếp cận thị trường một cách hiệu quả hơn. SSIAM, với đội ngũ chuyên gia đầu tư chuyên nghiệp và hiểu biết sâu rộng về thị trường nội địa, tiếp tục cam kết mang lại giá trị tối ưu cho các NĐT.

Tăng trưởng ấn tượng về tài sản quản lý

Tính đến cuối năm 2024, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 15.061 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm trước. Tài sản quản lý được phân bổ theo ba mảng chính: quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư tổ chức và quản lý tài sản cá nhân. Trong đó, dịch vụ quản lý quỹ đầu tư tiếp tục là hoạt động kinh doanh cốt lõi, đóng góp 78% tổng tài sản quản lý, đạt 11.683 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2023

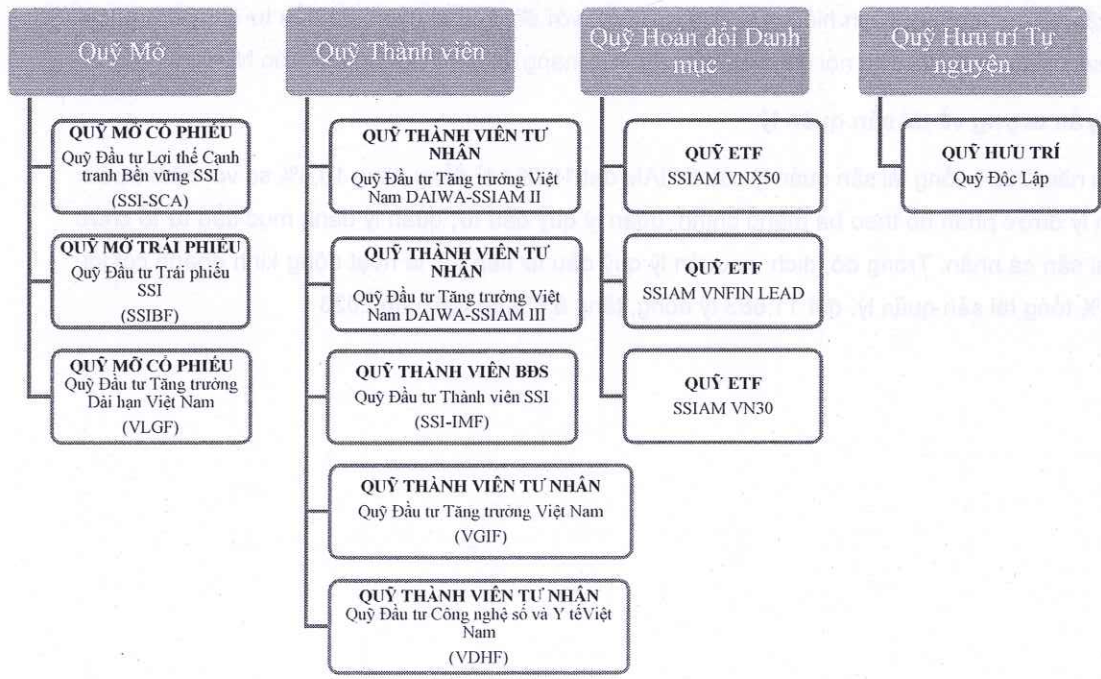




Dữ liệu tại ngày 31/12/2024

Nguồn: SSIAM

SSIAM hiện đang quản lý 3 quỹ mở đại chúng, 3 quỹ hoán đổi danh mục (ETF), 1 quỹ hưu trí tự nguyện và 5 quỹ thành viên. Trong mảng quỹ mở, sự tăng trưởng mạnh mẽ tiếp tục được duy trì, với số lượng nhà đầu tư quỹ mở đạt 130.000 người, tăng 120% so với năm 2023.





1.4. Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính

Năm 2024 tiếp tục ghi dấu ấn với kết quả vượt kế hoạch kinh doanh của Khối Nguồn vốn, khẳng định chiến lược linh hoạt và hiệu quả trong bối cảnh thị trường đầy biến động. Tổng tài sản tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, dù tốc độ giảm nhiều so với năm 2023 do diễn biến thị trường không thuận lợi. Tuy nhiên, SSI vẫn tiếp tục dẫn đầu về quy mô tổng tài sản trong nhóm các CTCK.

Tiếp tục duy trì quy mô danh mục đầu tư giấy tờ có giá: Mặc dù tín dụng ngân hàng toàn hệ thống suy giảm mạnh trong nửa đầu năm 2024 dẫn tới nhu cầu huy động vốn của hệ thống ngân hàng giảm mạnh khiến cho lợi suất đầu tư các tài sản tài chính truyền thống của Nguồn vốn (chứng chỉ tiền gửi – CCTG, trái phiếu ngân hàng, TPDN) ở mức thấp. Quy mô danh mục giảm 10% so với cuối năm 2023, phân bổ chủ yếu vào các tài sản thanh khoản cao, do các định chế tài chính lớn như BIDV, Vietcombank, Vietinbank, VPBank... phát hành.

Quản lý nguồn vốn: SSI là đối tác của tất cả các định chế tài chính lớn nhất tại Việt Nam. Trong năm 2024, SSI không chỉ mở rộng quan hệ tín dụng mới (Eximbank, SEABank, SCSB, Cathay, Fubon, UBOT), mà còn đàm phán gia tăng thêm hạn mức tại các đối tác truyền thống thân thiết trong nước như nhóm ngân hàng SOBs và nhóm NHTM cổ phần hàng đầu.

Kết quả: hạn mức tín dụng trong nước tăng 23%, hạn mức tín dụng nước ngoài tăng 24% so với năm 2023.

Số liệu	FY23	FY24	%YoY
Hạn mức onshore (tỷ VNĐ)	60,840	74,540	23%
Hạn mức offshore (triệu USD)	106	131	24%

Sản phẩm mới: Trong năm 2024, Bộ phận Nguồn vốn tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm đầu tư tài chính mới linh hoạt cho nhà đầu tư của SSI, tập trung mục tiêu nhằm tối ưu vốn và mang đến trải nghiệm tốt cho khách hàng. Những sản phẩm tài chính này dự kiến sẽ ra mắt trong năm 2025, bổ sung vào bộ sản phẩm dịch đa dạng của SSI.

1.5. Đầu tư

Tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn phù hợp từng giai đoạn thị trường để tối đa hóa lợi nhuận

Năm 2024 là một năm đầy biến động của TTCK khi thị trường tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm với VN-Index chạm mốc 1.300 điểm và sau đó dao động trong biên độ hẹp tới cuối năm dưới áp lực của tỷ giá, khối ngoại bán ròng và mặt bằng lãi suất tăng. Trong bối cảnh đó, Bộ phận Đầu tư cổ phiếu đã linh hoạt sử dụng nguồn vốn và phân bổ hợp lý tỷ trọng từng chiến lược đầu tư trong danh mục, kết hợp giữa danh mục tăng trưởng và phòng thủ, giữa danh mục cổ phiếu niêm yết và OTC. Các công ty trong danh mục được lựa chọn là các công ty có tiềm năng tăng trưởng tốt, có định giá hợp lý và bộ máy quản trị công ty tốt, được hưởng lợi từ sự hồi phục của nền kinh tế. Nhờ tối ưu hóa nguồn vốn, danh mục giao dịch đạt tỷ suất lợi nhuận trên vốn trung bình đạt 24% trong năm 2024, vượt trội so với mức tăng 12% của Index.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tiếp tục nắm giữ khoản đầu tư vào PAN, các nhân sự đại diện của SSI tại HĐQT của PAN đã làm việc sâu sát cùng doanh nghiệp, kịp thời đưa ra những định hướng và chỉ đạo phù hợp với tình hình thị trường cũng như chiến lược chung của SSI, qua đó tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty. Năm 2024, PAN đạt lợi nhuận sau thuế hợp nhất cổ đông công ty mẹ 594 tỷ đồng, tăng trưởng 46% so với 2023.

PAN Group	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu (tỷ đồng)	8.541,9	9.462,9	14.094,6	13.716,6	16.791
YoY	7%	10,8%	48,9%	-2,7%	22%
LNST cổ đông công ty Mẹ (tỷ đồng)	188,3	296,1	374	405,9	594,4
YoY	-26,8%	57,3%	26,3%	8,5%	46,4%

Duy trì vị thế dẫn đầu về sản phẩm chứng quyền

Tại thời điểm cuối năm 2024, tổng số mã chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên HOSE là 114 mã, tương đương một nửa số chứng quyền niêm yết tại thời điểm cuối năm 2023. Bên cạnh đó, số lượng nhà phát hành tham gia thị trường chứng quyền có đảm bảo cũng giảm mạnh từ chín nhà phát hành xuống năm nhà phát hành. Điều này cho thấy thị trường chứng quyền năm 2024 có sự cạnh tranh ngày càng lớn, đòi hỏi các tổ chức tham gia phải nắm bắt kịp thời nhu cầu của nhà đầu tư, linh hoạt trong kinh doanh và có sự tối ưu về vận hành.

Về chiến lược phát hành, SSI chủ trương bán chứng quyền trên nhiều cổ phiếu cơ sở khác nhau, và trên mỗi cổ phiếu cơ sở cũng đồng thời ra mắt các chứng quyền với kỳ hạn đa dạng từ 4 tháng tới 15 tháng, kèm theo giá thực hiện luôn nằm trên dải rộng. Chiến lược phát hành phân tán này vừa giúp giảm rủi ro, tăng lợi nhuận và tối ưu nguồn vốn cho SSI, đồng thời tạo ra nhiều lựa chọn cho nhà đầu tư. Lợi nhuận thu được từ hoạt động phát hành chứng quyền năm 2024 của SSI đã vượt 25% kế hoạch lợi nhuận năm, và tăng xấp xỉ 2 lần so với số thực hiện năm 2023.

Ngoài chỉ tiêu lợi nhuận, SSI cũng đặc biệt quan tâm việc cải thiện thị phần giao dịch. Công ty đã phát hành mới chứng quyền với số lượng lớn sớm hơn trong năm 2024, bắt đầu từ Quý 2, thay vì khởi động việc này vào Quý 3, 4 như hai năm liền trước. Sự thay đổi này cho nhà đầu tư có thêm thời gian tiếp cận làm quen với sản phẩm và giúp SSI hiện diện ổn định trên thị trường chứng quyền. Trong cả năm 2024, SSI duy trì thị phần giao dịch số một trong phần lớn thời gian, tới nửa cuối năm 2024 thị phần đã đạt trên 45%, tăng trưởng mạnh so với ngưỡng 30% của nửa cuối năm 2023.

Năm	Số lượng chứng quyền phát hành mới
2019	16
2020	38
2021	24
2022	28
2023	55
2024	85

Để đạt được bước tiến về mặt lợi nhuận và thị phần, ngoài việc phát hành chứng quyền đa dạng với quy mô lớn, SSI luôn đảm bảo cao nhất việc tạo lập thị trường giúp chênh lệch giá mua bán ở mức cạnh tranh, và NĐT có thể dễ dàng thực hiện mua bán với số lượng lớn trong phần lớn thời gian vòng đời của sản phẩm. Nhờ vậy, dù TTCK Việt Nam đã dao động tăng giảm khá mạnh từ Quý 2 năm 2024 kéo dài cho tới cuối năm, chứng quyền của SSI vẫn được nhà đầu tư đón nhận và giao dịch sôi động.

➤ **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% Tăng Giảm	Lũy kế đến Quý 4/2024
Tổng giá trị tài sản	69,241,327	73,507,303	6.16%	73,507,303
Doanh thu thuần	7,283,411	8,711,080	19.60%	8,711,080

Chỉ tiêu	2023	2024	% Tăng Giảm	Lũy kế đến Quý 4/2024
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,847,076	3,543,940	24.48%	3,543,940
Lợi nhuận khác	1,491	(413)	-127.68%	(413)
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,848,567	3,543,527	24.40%	3,543,527
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	2,292,781	2,835,023	23.65%	2,835,023
Biên LNST/ Doanh thu thuần	31.48%	32.55%		32.55%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và 2024 của SSI

Các chứng quyền mà công ty đã phát hành còn lưu hành tính tới ngày 12/03/2025:

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày đáo hạn	Số lượng đang lưu hành	Số lượng chào bán
1	Chứng quyền ACB/6M/SSI/C/EU/Cash-17	CACB2403	ACB	6	Mua	4:1	25.000	28/04/2025	6.658.200	30.000.000
2	Chứng quyền ACB/9M/SSI/C/EU/Cash-17	CACB2404	ACB	9	Mua	4:1	25.000	28/07/2025	8.465.900	25.000.000
3	Chứng quyền FPT/9M/SSI/C/EU/Cash-17	CFPT2402	FPT	9	Mua	3,9723 :1	134.064	28/07/2025	5.915.900	6.000.000
4	Chứng quyền FPT/6M/SSI/C/EU/Cash-17	CFPT2403	FPT	6	Mua	3,9723 :1	134.064	28/04/2025	5.985.200	6.000.000
5	Chứng quyền HPG/12M/SSI/C/EU/Cash-17	CHPG2406	HPG	12	Mua	4:1	28.000	28/10/2025	6.484.500	25.000.000
6	Chứng quyền HPG/6M/SSI/C/EU/Cash-17	CHPG2407	HPG	6	Mua	4:1	26.000	28/04/2025	25.847.100	35.000.000
7	Chứng quyền HPG/9M/SSI/C/EU/Cash-17	CHPG2408	HPG	9	Mua	4:1	27.000	28/07/2025	29.699.600	30.000.000
8	Chứng quyền MBB/9M/SSI/C/EU/Cash-17	CMBB2405	MBB	9	Mua	3,4754 :1	22.590	28/07/2025	8.611.700	27.000.000
9	Chứng quyền MBB/6M/SSI/C/EU/Cash-17	CMBB2406	MBB	6	Mua	3,4754 :1	21.721	28/04/2025	3.236.000	33.000.000

BÀN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM



10	Chứng quyền MSN/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CMSN2404	MSN	9	Mua	4:1	79.000	28/07/ 2025	271.400	10.000.000
11	Chứng quyền MSN/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CMSN2405	MSN	6	Mua	4:1	79.000	28/04/ 2025	2.557.500	12.000.000
12	Chứng quyền MWG/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CMWG240 5	MWG	6	Mua	4:1	66.000	28/04/ 2025	4.622.700	15.000.000
13	Chứng quyền MWG/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CMWG240 6	MWG	9	Mua	4:1	66.000	28/07/ 2025	3.958.000	12.000.000
14	Chứng quyền STB/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CSTB2408	STB	6	Mua	4:1	36.000	28/04/ 2025	1.907.800	30.000.000
15	Chứng quyền STB/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CSTB2409	STB	9	Mua	4:1	36.000	28/07/ 2025	6.919.100	25.000.000
16	Chứng quyền VHM/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVHM2406	VHM	9	Mua	4:1	50.000	28/07/ 2025	1.098.100	20.000.000
17	Chứng quyền VHM/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVHM2407	VHM	6	Mua	4:1	49.000	28/04/ 2025	2.204.100	25.000.000
18	Chứng quyền VIB/6M/SSI/C/E U/Cash-17	CVIB2405	VIB	6	Mua	2:1	18.000	28/04/ 2025	1.990.700	15.000.000
19	Chứng quyền VIB/9M/SSI/C/E U/Cash-17	CVIB2406	VIB	9	Mua	4:1	19.000	28/07/ 2025	5.312.300	25.000.000
20	Chứng quyền VIC/6M/SSI/C/E U/Cash-17	CVIC2404	VIC	6	Mua	4:1	43.000	28/04/ 2025	1.554.100	20.000.000
21	Chứng quyền VIC/9M/SSI/C/E U/Cash-17	CVIC2405	VIC	9	Mua	4:1	43.000	28/07/ 2025	1.276.200	18.000.000
22	Chứng quyền VNM/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVNM2405	VNM	6	Mua	3,9689 :1	67.472	28/04/ 2025	4.360.700	12.000.000
23	Chứng quyền VNM/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVNM2406	VNM	9	Mua	3,9689 :1	68.464	28/07/ 2025	475.600	10.000.000
24	Chứng quyền VPB/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVPB2407	VPB	9	Mua	4:1	21.000	28/07/ 2025	9.796.000	40.000.000
25	Chứng quyền VPB/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVPB2408	VPB	6	Mua	2:1	21.000	28/04/ 2025	4.206.900	25.000.000
26	Chứng quyền VRE/6M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVRE2405	VRE	6	Mua	2:1	19.000	28/04/ 2025	6.611.000	12.000.000
27	Chứng quyền VRE/9M/SSI/C/ EU/Cash-17	CVRE2406	VRE	9	Mua	4:1	19.000	28/07/ 2025	3.668.000	18.000.000
28	Chứng quyền ACB/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CACB2504	ACB	5	Mua	2:1	26.000	26/05/ 2025	10.103.300	18.000.000

Handwritten signature

BẢN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM



29	Chứng quyền ACB/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CACB2503	ACB	10	Mua	2:1	27.000	27/10/ 2025	22.200	11.000.000
30	Chứng quyền ACB/15M/SSI/C /EU/Cash-18	CACB2502	ACB	15	Mua	2:1	28.000	26/03/ 2026	241.700	6.000.000
31	Chứng quyền FPT/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CFPT2504	FPT	5	Mua	10:1	160.000	26/05/ 2025	13.941.700	16.000.000
32	Chứng quyền FPT/10M/SSI/C/ EU/Cash-18	CFPT2502	FPT	10	Mua	10:1	170.000	27/10/ 2025	2.154.000	10.000.000
33	Chứng quyền FPT/15M/SSI/C/ EU/Cash-18	CFPT2503	FPT	15	Mua	10:1	180.000	26/03/ 2026	2.717.400	5.000.000
34	Chứng quyền HPG/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CHPG2503	HPG	5	Mua	2:1	27.000	26/05/ 2025	1.206.600	16.000.000
35	Chứng quyền HPG/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CHPG2504	HPG	10	Mua	2:1	29.000	27/10/ 2025	328.100	10.000.000
36	Chứng quyền HPG/15M/SSI/C /EU/Cash-18	CHPG2505	HPG	15	Mua	2:1	30.000	26/03/ 2026	233.900	5.000.000
37	Chứng quyền MBB/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CMBB2502	MBB	5	Mua	1,7377 :1	20.852	26/05/ 2025	314.400	16.000.000
38	Chứng quyền MBB/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CMBB2503	MBB	10	Mua	1,7377 :1	22.590	27/10/ 2025	461.700	11.000.000
39	Chứng quyền MBB/15M/SSI/C /EU/Cash-18	CMBB2504	MBB	15	Mua	1,7377 :1	23.459	26/03/ 2026	579.900	6.000.000
40	Chứng quyền MSN/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CMSN2502	MSN	5	Mua	5:1	73.000	26/05/ 2025	2.258.500	14.000.000
41	Chứng quyền MSN/10M/SSI/ C/EU/Cash-18	CMSN2503	MSN	10	Mua	5:1	75.000	27/10/ 2025	2.325.500	10.000.000
42	Chứng quyền MWG/5M/SSI/C /EU/Cash-18	CMWG250 2	MWG	5	Mua	5:1	60.000	26/05/ 2025	2.020.100	15.000.000
43	Chứng quyền MWG/10M/SSI/ C/EU/Cash-18	CMWG250 3	MWG	10	Mua	5:1	63.000	27/10/ 2025	356.000	11.000.000
44	Chứng quyền MWG/15M/SSI/ C/EU/Cash-18	CMWG250 4	MWG	15	Mua	5:1	66.000	26/03/ 2026	950.300	5.000.000
45	Chứng quyền STB/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CSTB2503	STB	5	Mua	2:1	35.000	26/05/ 2025	1.333.700	12.000.000
46	Chứng quyền STB/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CSTB2504	STB	10	Mua	2:1	38.000	27/10/ 2025	74.600	8.000.000
47	Chứng quyền TCB/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CTCB2502	TCB	5	Mua	2:1	24.000	26/05/ 2025	4.135.900	18.000.000

BẢN CÁO BẠCH

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM



48	Chứng quyền TCB/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CTCB2503	TCB	10	Mua	2:1	26.000	27/10/ 2025	1.377.400	12.000.000
49	Chứng quyền VHM/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVHM2501	VHM	5	Mua	5:1	42.000	26/05/ 2025	1.191.700	25.000.000
50	Chứng quyền VHM/10M/SSI/ C/EU/Cash-18	CVHM2502	VHM	10	Mua	5:1	45.000	27/10/ 2025	54.900	18.000.000
51	Chứng quyền VIB/5M/SSI/C/E U/Cash-18	CVIB2501	VIB	5	Mua	2:1	20.000	26/05/ 2025	393.800	23.000.000
52	Chứng quyền VIB/10M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVIB2502	VIB	10	Mua	2:1	21.000	27/10/ 2025	156.300	13.000.000
53	Chứng quyền VIC/5M/SSI/C/E U/Cash-18	CVIC2501	VIC	5	Mua	5:1	40.000	26/05/ 2025	522.200	24.000.000
54	Chứng quyền VIC/10M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVIC2502	VIC	10	Mua	5:1	45.000	27/10/ 2025	526.900	15.000.000
55	Chứng quyền VNM/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVNM2501	VNM	5	Mua	4,9612 :1	64.495	26/05/ 2025	11.618.200	16.000.000
56	Chứng quyền VNM/10M/SSI/ C/EU/Cash-18	CVNM2502	VNM	10	Mua	4,9612 :1	65.488	27/10/ 2025	106.500	10.000.000
57	Chứng quyền VNM/15M/SSI/ C/EU/Cash-18	CVNM2503	VNM	15	Mua	4,9612 :1	68.464	26/03/ 2026	47.700	5.000.000
58	Chứng quyền VPB/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVPB2503	VPB	5	Mua	2:1	19.000	26/05/ 2025	5.025.700	24.000.000
59	Chứng quyền VPB/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CVPB2501	VPB	10	Mua	2:1	20.000	27/10/ 2025	2.892.000	15.000.000
60	Chứng quyền VPB/15M/SSI/C /EU/Cash-18	CVPB2502	VPB	15	Mua	2:1	21.000	26/03/ 2026	716.100	8.000.000
61	Chứng quyền VRE/5M/SSI/C/ EU/Cash-18	CVRE2502	VRE	5	Mua	2:1	17.000	26/05/ 2025	3.059.800	15.000.000
62	Chứng quyền VRE/10M/SSI/C /EU/Cash-18	CVRE2503	VRE	10	Mua	2:1	18.000	27/10/ 2025	90.700	11.000.000

➤ Tình hình tài chính

Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện các khoản phải nộp theo luật định.

Tổng dư nợ vay (ngân hàng, trái phiếu, vay cá nhân): tại ngày 31/12/2024: 45,501,969,699,137

Tình hình công nợ hiện nay (tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả): tại ngày 31/12/2024

Tổng nợ phải thu

1,736,645,866,759

Tổng nợ phải trả

46,680,651,947,954

Bảng 3: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng:	20,582,870,295,147	22,741,001,941,940	
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	5,370,558,138,524	4,866,321,169,053	
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	383.25%	467.31%	
Giá trị vốn khả dụng	20,582,870,295,147	22,741,001,941,940	
Tổng rủi ro	5,370,558,138,524	4,866,321,169,053	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.43	1.52	
- Hệ số thanh toán nhanh:	1.42	1.48	
TSLĐ - Hàng tồn kho	65,056,152,840,028	69,076,856,357,819	
Nợ ngắn hạn	45,939,117,288,138	46,599,438,522,989	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.64	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.98	1.74	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.32	0.33	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.10	0.11	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.03	0.04	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.39	0.41	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1,531	1,554	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 SSI

Năm 2024 là năm có nhiều thuận lợi và thử thách đan xen với TTCK, Ban Lãnh đạo SSI đã điều hành linh hoạt theo từng diễn biến và sự kiện trên thị trường để SSI đạt được những KQKD tích cực vượt kế hoạch cho các cổ đông. Kết thúc năm 2024, Tổng tài sản đạt mức 73.507 tỷ VNĐ, vốn chủ sở hữu đạt 26.827 tỷ VNĐ, tăng lần lượt tăng 6% và 15% so với năm 2023. Quy mô Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu giữ vững vị trí số 1 trong ngành Chứng khoán. Công ty vẫn kiên định với chiến lược phân bổ tài sản đầu tư vào các

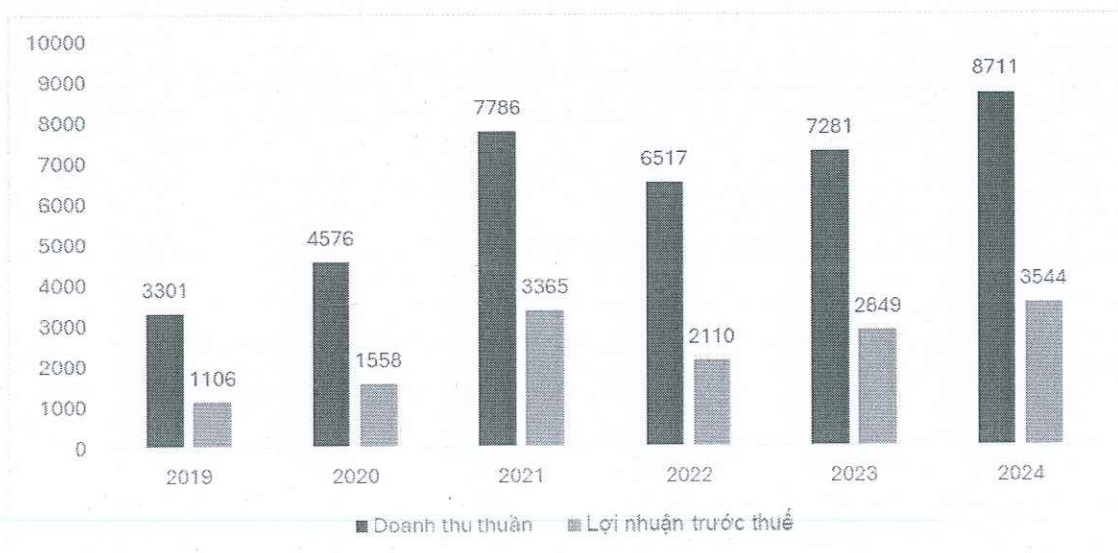


tài sản an toàn, có tính thanh khoản cao. Đây không chỉ là bộ đệm vốn vững chắc, mà còn tạo ra nguồn doanh thu ổn định, bền vững cho SSI.

Trong năm 2024, SSI tiếp tục duy trì tăng trưởng ấn tượng với Tổng doanh thu thuần đạt 8.711 tỷ VNĐ, tăng 19,6% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.544 tỷ VNĐ, tăng 24,4%, vượt kế hoạch ĐHCĐ giao, trong khi Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng tương ứng, đạt 2.845 tỷ VNĐ, cho thấy sự hiệu quả trong chiến lược kinh doanh của Công ty.

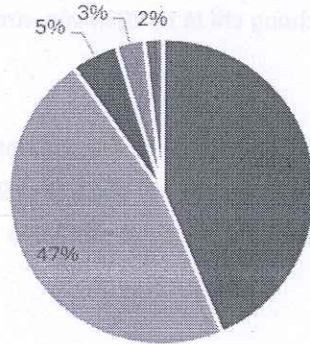
Các mảng kinh doanh chính đem lại kết quả tích cực bao gồm Dịch vụ chứng khoán, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính và Quản lý quỹ. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư vẫn gặp nhiều thử thách do bối cảnh thị trường và nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế chưa cao.

Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2019 – 2024 (Tỷ VNĐ)



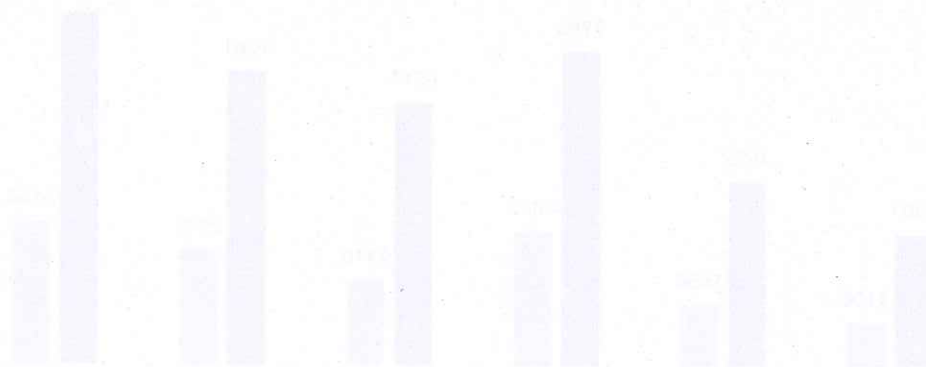
Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán SSI

Cơ cấu doanh thu năm 2024



- Dịch vụ chứng khoán
- Đầu tư
- Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính
- Quản lý quỹ
- Dịch vụ Ngân hàng đầu tư & Doanh thu khác

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán 2024 SSI



VII. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm phát hành

Tên chứng quyền: Chứng quyền VNM/5M/SSI/C/EU/Cash-19

- ❖ Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
- ❖ Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- ❖ Loại chứng quyền: chứng quyền mua
- ❖ Kiểu thực hiện: châu Âu
- ❖ Phương thức thực hiện chứng quyền: thanh toán tiền
- ❖ Thời hạn: 5 tháng
- ❖ Ngày phát hành dự kiến: trong tháng 3-5/2025
- ❖ Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến: trong tháng 8-10/2025
- ❖ Ngày đáo hạn dự kiến: trong tháng 8-10/2025
- ❖ Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1 (05 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)
- ❖ Giá thực hiện dự kiến: trong khoảng giá từ 34.000 (ba mươi tư nghìn) đồng/cổ phần đến 135.000 (một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng/cổ phần
- ❖ Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
- ❖ Giá chào bán dự kiến: trong khoảng giá từ 1.000 (một nghìn) đồng/chứng quyền đến 1.800 (một nghìn tám trăm) đồng/chứng quyền
- ❖ Tổng số lượng chào bán: 20.000.000 (hai mươi triệu) chứng quyền
- ❖ Tổng giá trị chào bán dự kiến: từ 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng đến 36.000.000.000 (ba mươi sáu tỷ) đồng
- ❖ Phương pháp tính giá chào bán: sử dụng mô hình Black Scholes với các thông số đầu vào:
 - Lãi suất: tối đa không quá lãi suất trung bình đầu vào của 4 ngân hàng quốc doanh + biên độ 5%
 - Giá chứng khoán cơ sở: không quá 1.2 lần giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành
 - Độ biến động: không quá giá trị tối đa trong vòng 5 năm của độ biến động lịch sử năm (kỳ tính toán: 6 tháng)

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Chứng khoán cơ sở là cổ phiếu: VNM của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- Mức vốn hóa, tình thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm (tại ngày 12/03/2025)
 - Mức vốn hóa: 132,712 tỷ VNĐ



- Tính thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm:
 Khối lượng giao dịch trung bình trong năm: 3,593,851 cổ phiếu
 Giá giao dịch cao nhất trong năm: 72,874 VNĐ
 Giá giao dịch thấp nhất trong năm: 60,000 VNĐ
- Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở: 19/01/2006
- Chỉ số giá/thu nhập (P/E) tại thời điểm thống kê: 14.13
- Lĩnh vực hoạt động: Vinamilk hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực chế biến, sản xuất và kinh doanh sữa và chăn nuôi bò sữa. Ngày 19/01/2006, Vinamilk chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán VNM.
- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.10	2.03
- Hệ số thanh toán nhanh	1.74	1.73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.34	0.34
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.50	0.52
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	14.94%	15.30%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ VCSH	25.75%	26.13%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	17.12%	17.17%
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	40.66%	41.42%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3,796	4,022

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng giảm	Quý 4/2024
TỔNG TÀI SẢN	52,673	55,049	4.51%	55,049
TÀI SẢN NGẮN HẠN	35,936	37,554	4.50%	37,554
Hàng tồn kho, rỗng	6,128	5,687	-7.20%	5,687
NỢ PHẢI TRẢ	17,648	18,875	6.95%	18,875
Nợ ngắn hạn	17,139	18,460	7.71%	18,460

VỐN CHỦ SỞ HỮU	35,026	36,174	3.28%	36,174
Doanh thu	60,479	61,824	2.22%	15,485
Doanh thu thuần	60,369	61,783	2.34%	15,477
Lãi gộp	24,545	25,590	4.26%	6,210
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	10,968	11,600	5.76%	2,643
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,949)	(2,147)	10.17%	-497
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	9,019	9,453	4.81%	2,147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,796	4,022	5.95%	908
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	25.75%	26.13%		

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Trong vòng tối đa bảy (7) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực, SSI sẽ tiến hành phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư. Thời gian phân phối cụ thể sẽ theo Thông báo phát hành của SSI.

4. Thực hiện chứng quyền

4.1. Trường hợp thanh toán bằng tiền:

4.1.1. Quy trình thanh toán:

- (1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSDC chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:
 - Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ 2 sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
 - Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ 5 kể từ ngày đăng ký cuối cùng
- (2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
- (3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.



- (4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSDC lập và gửi cho HSX và các Thành viên Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- (5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- (6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11h00 ngày làm việc liền kề sau ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do c
- (7) ó sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- (8) Vào ngày làm việc thứ 02 sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
- (9) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ 03 sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
- (10) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSDC gửi văn bản thông báo cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
- (11) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của TCPH, VSDC sẽ thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.
- (12) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.
- (13) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản



của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDCCK và các Thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
- Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

4.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Khi Công ty bị mất khả năng thanh toán, hoặc thực hiện chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản thì việc bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần và phương án chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản và các quy định về xử lý trường hợp đặc biệt tại Điều 15 Thông tư số 107/2016/TT-BTC hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm và các quy định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Đăng ký mua chứng quyền

Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố Bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán và của tổ chức phát hành theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Địa điểm đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh, Phòng giao dịch của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và/hoặc kênh online bao gồm nhưng không giới hạn website, ứng dụng của Công ty.

Phương thức thanh toán

Các phương thức thanh toán mua chứng quyền như sau:

- Nộp tiền vào tài khoản chỉ dẫn.
- Chuyển khoản: từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản chỉ dẫn, hoặc từ tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tại SSI vào tài khoản theo chỉ dẫn.



- Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền.

Thanh toán

Tiền thanh toán mua chứng quyền cần được ghi nhận vào tài khoản của tổ chức phát hành tại ngày bắt đầu nhận đăng ký mua và trước 16h ngày làm việc cuối cùng trong ngày nhận đăng ký mua cuối cùng. Các lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản chỉ dẫn sau thời hạn thanh toán sẽ được coi là không hợp lệ.

Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản chỉ dẫn khác số tiền ghi trên Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm, số lượng chứng quyền được phân phối dựa trên giá trị nhỏ hơn giữa số tiền thanh toán và giá trị đăng ký mua chứng quyền.

Các lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ:

- Lệnh đăng ký mua chứng quyền nhỏ hơn lệnh đặt tối thiểu;
- Nhà Đầu Tư đã làm lệnh thanh toán nhưng không ghi phiếu lệnh đăng ký mua chứng quyền;
- Lệnh thanh toán ghi sai Nội dung chuyển tiền;
- Lệnh thanh toán được ghi nhận vào tài khoản SSI sau thời hạn thanh toán;
- Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm ghi sai Nội dung thông tin.

Nguyên tắc phân phối chứng quyền

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua của tất cả các nhà đầu tư lớn hơn số lượng chào bán, chứng quyền sẽ được phân phối theo tỷ lệ. Số chứng quyền nhà đầu tư nhận được sẽ được tính = số lượng chứng quyền nhà đầu tư đăng ký mua * (tổng số lượng chào bán/ tổng số lượng chứng quyền đăng ký mua hợp lệ của tất cả các nhà đầu tư).

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được SSI thông báo tại Thông báo phát hành chứng quyền sau khi SSI được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Nguyên tắc làm tròn: số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.

Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền: trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày kết thúc đăng ký mua chứng quyền, SSI sẽ gửi thông báo dự kiến kết quả phân phối chứng quyền tới nhà đầu tư qua hình thức thư điện tử (email).

Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 100 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền

SSI sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư hủy đăng ký/đăng ký không thành công/đăng ký vượt số lượng trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả phân phối chứng quyền từ UBCKNN. Tổ chức phát hành sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

Quy trình đặt mua chứng quyền có bảo đảm khi SSI phát hành như sau:

- **Bước 1:** Nhà đầu tư nhận và điền đầy đủ thông tin vào “GIẤY ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM” theo mẫu
- **Bước 2:** Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản đến tài khoản có thông tin như sau:

Tên người thụ hưởng:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
Số tài khoản:	2224219045
Tại Ngân Hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Thanh Xuân
Nội dung:	<Tên nhà đầu tư> <Số CMND/CCCD/CC> nộp tiền mua <Số lượng chứng quyền có bảo đảm> Chứng quyền <Mã chứng quyền> <Tên tổ chức phát hành>
Ví dụ:	Trần Văn A, CMND/CCCD/CC 012345678, nộp tiền mua 5000 chứng quyền XXXX CTCP YYYY

- **Bước 3:** Nhà đầu tư nộp Bộ hồ sơ Đăng ký MUA chứng quyền có bảo đảm tại các quầy DVKH của SSI

Lưu ý: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ BỘ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM khi nộp, bao gồm:

Đối với cá nhân:

- 02 Bản chính “Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm” hợp lệ
- 01 Bản sao giấy nộp tiền mặt hoặc ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/CC

hwp



- 01 Giấy ủy quyền (nếu có)
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC & Hộ chiếu (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Đối với pháp nhân:

- 02 Bản chính “Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm” hợp lệ
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 01 Bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp (nếu có)
- 01 Bản sao Giấy nộp tiền mặt hoặc Ủy nhiệm chi
- 01 Bản sao CMND/CCCD/CC hoặc Hộ chiếu của người đại diện pháp luật
- 01 Bản sao Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức
- 01 Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận Mã số giao dịch từ VSDC (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn mua cổ phần (CCA) hoặc tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (dành cho NĐT Nước ngoài)
- 01 Bản sao hợp lệ giấy đăng ký mở tài khoản nếu Nhà đầu tư đăng ký tài khoản lưu ký chứng quyền tại CTCK không phải SSI (nếu có)

Lưu ý: Khi điền Giấy đăng ký mua, Nhà đầu tư đăng ký nhận Kết quả Phân phối dự kiến qua email (được gửi sau khi kết thúc đợt Phát hành) và nhận Kết quả Phân phối chính thức qua SMS (được gửi sau khi kết thúc Lưu ký tự động).

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện;
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

- Cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực như sau: sử dụng công thức Black Scholes:

$$C = (N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T})/k$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: Giá thực hiện của chứng quyền;

S: Giá chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn: là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền;

r_c : Lãi suất phi rủi ro (TCPH sử dụng lãi suất VNIBOR kỳ hạn 1M);

VNIBOR 1M (3% to 4%).

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (TCPH sử dụng độ biến động giá của chứng khoán cơ sở trong quá khứ để dự báo mức biến động của chứng khoán cơ sở trong tương lai).

Volatility 40% – 60%

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo công thức Black Scholes:

$$\text{DeltaCALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

DeltaCALL là giá trị delta của chứng quyền mua.

$N(d_1)$ là xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được

c xác định theo công thức định giá Black Scholes.

k: tỷ lệ chuyển đổi của CW và cổ phiếu



7. Điều chỉnh chứng quyền

7.1.1. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.

7.1.2. Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau:

- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ liên quan:

Theo Công văn số 1468/BTC-CST về việc chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm ban hành ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với chứng quyền có bảo đảm. Cụ thể như sau:

a) Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Do chứng quyền có bảo đảm được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên khi chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm thì thu nhập từ khoản chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%. Trong đó:

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

b) Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Theo quy định tại điểm a, b, e khoản 1 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm thì giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm là:

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Giá thanh toán của chứng quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

c) Thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Do hiện hành mới quy định thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền nên thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền. Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần. Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 107/2016/TT-BTC.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

d) Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với nhà đầu tư

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán được quy định chi tiết tại Biểu giá ban hành kèm theo Thông tư số 102/2021/TT-BTC ban hành ngày 17/11/2021

Căn cứ vào mức giá tối đa, khung giá quy định tại Thông tư này, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Điều 2 Thông tư này quyết định mức giá cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá, pháp luật có liên quan.

Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Thông tư này là giá không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:



Điều 6 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường tại Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của TCPH chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh quy định như sau:

9.1. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng (mười) 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;

- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi SSI không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như SSI bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi SSI bị vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.
- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro do các lý do công nghệ (ví dụ như hệ thống giao dịch bị lỗi, phần mềm tính toán để thực hiện giao dịch hedging bị lỗi dẫn tới mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro), nhân viên (không tuân thủ quy trình





công việc,...), các lý do bên ngoài (thiên tai, chiến tranh...), thiếu các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro khi công ty không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

Bước 2: Phân tích rủi ro

- **Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của SSI cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại SSI là thấp, bên cạnh đó công ty cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu công ty vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

- **Rủi ro thanh toán:**
 - Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro
 - i. Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của UBCK.
 - ii. Bên cạnh đó công ty luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.
 - Cách thực hiện
 - i. Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro
 - ii. Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của công ty bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.
 - iii. Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các báo cáo giám sát.

- Rủi ro thanh khoản:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát

- Rủi ro hoạt động:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
 - i. Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
 - ii. Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
 - iii. Tiến hành đào tạo nâng cao nhân thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
 - iv. Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên công ty để có điều chỉnh nếu cần.
 - v. Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Công cụ thực hiện
- Các quy trình làm việc
- Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

- Rủi ro pháp lý:

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:
 - i. Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng.
 - ii. Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần.





iii. Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của công ty về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.

- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của công ty.

Bước 4. Giám sát rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Căn cứ quy định của pháp luật, khi nhà đầu tư đặt lệnh thực hiện chứng quyền hoặc tại ngày đáo hạn, nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có lãi được thanh toán bằng các nguồn sau:

- a) Nguồn vốn lưu động bố trí cho việc thanh toán chứng quyền;
- b) Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- c) Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- d) Ngân hàng lưu ký thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có);
- e) Các tài sản hợp pháp khác mà Công ty được phép dùng để thanh toán.

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

- Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện trên tài khoản tự doanh của SSI và tuân thủ theo phương pháp trung hòa Delta (Delta Neutral) – là phương pháp mà các vị thế của chứng khoán cơ sở và vị thế của chứng quyền tự động bù trừ rủi ro cho nhau. SSI sẽ thực hiện việc mua, bán, vay và các giao dịch khác phù hợp với quy định pháp luật đối với chứng khoán cơ sở và chứng quyền. Trong đó, SSI sẽ tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền) theo hệ số Delta được quy định tại Điều 8.2 Quyết định 72/QĐ - UBCK. Các giao dịch và vị thế phòng ngừa rủi ro của TCPH phải báo cáo SGDCK hàng ngày để SGDCK có thể giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đối với NĐT của TCPH.
- Phương pháp xác định vị thế PNR lý thuyết delta hedging, cụ thể như sau:

$$P = \text{Delta} \times OI / k$$

Trong đó:

- **P:** Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.
 - **Delta:** Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes
 - **OI:** Vị thế mở, được xác định bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành.
 - **k:** Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền và cổ phiếu
- Dựa trên vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết (Số lượng P chứng khoán cơ sở ở công thức trên), SSI sẽ thực hiện mua vào hoặc bán ra chứng khoán cơ sở để đảm bảo chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế không quá 20% trong vòng 03 ngày làm việc liên tục. Nói cách khác, TCPH sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở nhằm đảm bảo số lượng chứng khoán cơ sở ở vị thế PNRR thực tế ngang bằng với vị thế PNRR lý thuyết.
- Ví dụ, khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi sẽ khiến Hệ số Delta thay đổi, khiến TCPH phải thực hiện mua/bán chứng khoán cơ sở để đảm bảo an toàn theo phương án trung hòa Delta. Việc duy trì vị thế trung hòa Delta giúp TCPH đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với Nhà đầu tư là người sở hữu chứng quyền khi có yêu cầu thực hiện quyền.
 - Trường hợp khi xảy ra các biến động mạnh của chứng khoán cơ sở (chứng khoán cơ sở tăng trần, giảm sàn, không có dư mua hoặc dư bán), TCPH có thể tiến hành mua vào hoặc bán ra chứng quyền trên sàn đối với NĐT để đảm bảo duy trì vị thế trung hòa Delta, nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.
- Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro của SSI. Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta pT \% = (pT - PT) / PT \times 100 \%$$

Trong đó:

- ΔpT %: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T.
 - **pT:** Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
 - **PT:** Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.
- Bên cạnh việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, Công ty chứng khoán đồng thời sẽ thực hiện việc mua lại chứng quyền để giảm nghĩa vụ nợ với Nhà đầu tư và tương ứng làm giảm nghĩa vụ mua chứng khoán cơ sở để đạt trung hòa Delta.

2.2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro:

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý. Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;
- Chi phí sử dụng vốn khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để ký quỹ bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng lưu ký;
- Chi phí đăng ký lưu ký, Chi phí niêm yết, Chi phí Quản lý niêm yết;
- Chi phí phát hành chứng quyền;

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

2.2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện qua nhiều bước với sự tham gia của nhiều bộ phận khác nhau từ việc lựa chọn cổ phiếu để phát hành chứng quyền cho tới việc thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro cũng như giám sát từ các bộ phận độc lập.

Trách nhiệm của các đơn vị cụ thể như sau:

(i) Bộ Phận Tự Doanh

Bộ phận Tự Doanh đóng góp vào việc quản trị rủi ro phát sinh từ phát hành chứng quyền cụ thể như sau:

- Đánh giá về tính ổn định và độ biến động của giá cổ phiếu cơ sở.
- Đánh giá về vốn hóa, tính thanh khoản của cổ phiếu cơ sở.
- Đánh giá tình hình tài chính, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp để làm đề xuất lên Hội Đồng Đầu Tư phê duyệt.
- Tính toán mức giá phát hành chứng quyền phù hợp.

- Ngoài ra xác định các thông tin như sau:
 - o Khối lượng quyền dự kiến phát hành;
 - o Giá quyền;
 - o Giá thực hiện quyền;
 - o Tỷ lệ chuyển đổi.
- Hàng ngày thực hiện giao dịch mua/bán tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging
- (ii) Hội Đồng Đầu Tư
 - Đánh giá về rủi ro cũng như lợi ích có thể đem lại từ việc phát hành chứng quyền.
 - Phê duyệt cho phép phát hành chứng quyền với các thông tin cụ thể như bên dưới hoặc không cho phép.
 - Giá phát hành.
 - Giá thực hiện.
 - Khối lượng phát hành tối đa.

(iii) Bộ Phận Quản Trị Rủi Ro

Hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền được thực hiện trực tiếp bởi bộ phận QTRR. Hiện bộ phận QTRR có 04 nhân sự trong đó có 01 nhân sự phụ trách QTRR thị trường sẽ thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro hàng ngày dưới sự giám sát của Giám đốc QTRR cũng như kiểm tra định kỳ từ Bộ phận Kiểm soát tuân thủ. Ngoài ra bộ phận QTRR còn xây dựng quy trình QTRR cho hoạt động phát hành chứng quyền.

Thông tin về Giám Đốc QTRR và nhân sự thực hiện phòng ngừa rủi ro như sau:

Họ Tên: Đặng Mạnh Cường

- Trình Độ Chuyên Môn: Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin, Thạc sĩ Tài Chính và Thương Mại quốc tế, Chứng chỉ QTRR quốc tế FRM, Chứng chỉ hành nghề Phân Tích Tài Chính.
- Kinh Nghiệm: Có 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Chứng Khoán trong đó có 8 năm kinh nghiệm với vị trí Giám Đốc Quản Trị Rủi Ro.

(iv) Bộ Phận Kiểm Soát Tuân Thủ

Định kỳ kiểm tra tính tuân thủ của với các quy định pháp luật cũng như quy định nội bộ của các bộ phận tham gia trong quá trình phát hành chứng quyền cũng như thực hiện giao dịch phòng ngừa rủi ro.

2.2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát





SSI áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, SSI sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của SSI không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của UBCK khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Với biến động giá chứng khoán xảy ra hàng ngày của chứng khoán cơ sở, giá trị Delta được tính theo Công thức Black Scholes sẽ biến động tương ứng. Công ty chứng khoán sẽ thực hiện mua hoặc bán chứng khoán cơ sở tương ứng với phần thay đổi của Delta để đảm bảo tổng vị thế của tổ chức phát hành vào cuối ngày ở trạng thái không thấp hơn mức cho phép của UBCK.

2.2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

2.2.5. Vị thế phòng ngừa rủi ro

- Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở, được tính toán dựa trên công thức Black Scholes theo Phụ lục số 01 Quyết định 72/QĐ – UBCK ngày 18/01/2018 của UBCK về việc ban hành quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm.

Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở nếu tổ chức phát hành sử dụng các loại chứng khoán phòng ngừa rủi ro khác không phải là chứng khoán cơ sở: Không sử dụng.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận Tự doanh SSI phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hàng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Nhân sự được đào tạo bài bản về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Với ưu thế vượt trội về tập khách hàng cá nhân, tiềm lực tài chính vững mạnh, các chỉ tiêu an toàn vốn của SSI luôn ở mức cao, đảm bảo khả năng thanh toán chứng quyền đối với NĐT, đáp ứng nhu cầu Mua hoặc Bán lại chứng quyền của NĐT với số lượng lớn, hệ thống tự động làm nghiệp vụ tạo lập thị trường để đảm bảo thanh khoản chứng quyền, đội ngũ môi giới chất lượng, hệ thống công nghệ hiện đại. Theo thống kê, các mã chứng quyền có bảo đảm được phát hành bởi SSI luôn nằm trong nhóm có thanh khoản rất cao, cho thấy sự ưa thích của các NĐT đối với các chứng quyền của SSI

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

Ngân hàng lưu ký: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký số: 77/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/09/2010

Trụ sở chính: Số 6 Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3934 9590

Fax: 024.3825 7308.

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Các nguyên tắc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra:

- Công khai, minh bạch;
- Ưu tiên lợi ích khách hàng trước lợi ích của SSI;
- Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật có liên quan đến đợt phát hành.

2. Các bên liên quan đến đợt phát hành:

Trong đợt phát hành này, SSI không sử dụng các đơn vị tư vấn bên ngoài như kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn cho SSI.

- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và Ngân hàng Lưu ký không phải là người có liên quan của SSI và SSIAM dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- SSI và SSIAM, các chi nhánh là tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam được cấp phép hoạt động các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng. Trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, chúng tôi và các nhân viên có thể tham gia vào các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính, quản lý quỹ,... cho chính mình hoặc cho khách hàng của mình liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan.
- SSI và SSIAM, các chi nhánh và các nhân viên của mình có thể được tiếp cận các thông tin quan trọng, phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các chứng khoán cơ sở theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và chuẩn mực đạo đức cao nhất nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích và cố gắng tối đa để công bố các xung đột tiềm ẩn đến Nhà đầu tư.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.





XII. PHỤ LỤC

- Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chào bán chứng quyền;
- Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc triển khai chào bán chứng quyền.

**NGÂN HÀNG LƯU KÝ
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM – CN TP HÀ NỘI**



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Trọng Cường

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2025

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN DUY HƯNG